



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY



Thách thức mọi con đường



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

Địa chỉ: 231 Đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - TP Hà Nội - Việt Nam
Address: 231 Nguyen Trãi Street - Thuong Dinh Ward - Thanh Xuan District - Ha Noi City - Viet Nam
Tel: (+84).2438.883.686 - (+84).2438.886.106 - Fax: (+84).2438.883.644
Email: caosusaovang@src.com.vn
Web: www.sro.com.vn

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2021



Với truyền thống Sao Vàng, bằng nỗ lực phấn đấu của tất cả CBCNV, chúng ta tin tưởng trong thời gian tới, Công ty sẽ đoàn kết vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Kính gửi Quý cổ đông, khách hàng, đối tác và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thay mặt Hội đồng Quản trị Công ty, tôi xin gửi tới Quý vị lời chào trân trọng cùng lời chúc sức khỏe, hạnh phúc và thành công.

Năm 2021 là một năm nhiều biến động ở cả trong nước và thế giới do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cùng các biến thể mới tạo ra nhiều khó khăn trong quá trình phục hồi sau đại dịch năm 2020. Khan hiếm nguồn cung vaccine khiến khả năng phục hồi kinh tế ở các quốc gia có sự phân hóa rõ rệt. Trái ngược với tốc độ hồi phục tốt của các nền kinh tế lớn, các quốc gia vừa và nhỏ vẫn phải hạn chế phát triển kinh tế để nâng cao hiệu quả phòng chống dịch bệnh. Cũng vì thế, tình hình phục hồi kinh tế ở các quốc gia gặp nhiều khó khăn do giá cả hàng hóa tăng cao và tình trạng tê liệt chuỗi cung ứng trên toàn thế giới.

Trước tình hình đó, dưới sự lãnh đạo thống nhất của cả hệ thống chính trị và sự chỉ đạo, điều hành quyết liệt của Chính phủ, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành những quyết sách kịp thời để phòng, chống dịch và phát triển kinh tế - xã hội. Đặc biệt, Nghị quyết số 128/NQ-CP ngày 11/10/2021 ban hành quy định tạm thời "thích ứng an toàn, linh hoạt, kiểm soát hiệu quả dịch Covid-19", cùng với các chính sách bảo đảm an sinh xã hội, sự đồng lòng, nhất trí của các cấp, các ngành, các địa phương, sự đồng tình, ủng hộ, chia sẻ và tham gia tích cực của các tầng lớp nhân dân, cộng đồng doanh nghiệp, các hoạt động kinh tế - xã hội năm 2021 của nước ta đã đạt được nhiều kết quả đáng khích lệ.

Ước tính GDP năm 2021 tăng 2,58% (quý I tăng 4,72%; quý II tăng 6,73%; quý III giảm 6,02%; quý IV tăng 5,22%) so với năm trước do dịch Covid-19 ảnh hưởng nghiêm trọng tới mọi lĩnh vực của nền kinh tế, đặc biệt là trong quý III/2021 nhiều địa phương kinh tế trọng điểm phải thực hiện giãn cách xã hội kéo dài để phòng chống dịch bệnh. Kết thúc năm 2021, tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt 2,58%. Đóng góp vào, khu vực sản xuất công nghiệp và xây dựng tăng 4,05%, đóng góp 63,8% vào mức tăng chung của cả nước dù trải qua quý III gặp rất nhiều khó khăn khi chỉ số sản xuất công nghiệp PMI quý III giảm mạnh.

Trong năm 2021, tận dụng lợi thế về giá vốn, cùng với đó là nhu cầu lớn của thị trường do ác lực từ phục hồi kinh tế và chi tiêu đầu tư công, doanh nghiệp đã nâng cao biên lợi nhuận gộp, xấp xỉ 20%, ngoài ra, Cao su Sao vàng còn tiết kiệm các chi phí khác như chi phí quản lý doanh nghiệp, chi phí bán hàng để cải thiện biên lợi nhuận ở mức 5%.

Sang năm 2022, nền kinh tế Việt Nam được dự báo khả quan do dòng vốn FDI đổ vào từ các doanh nghiệp nước ngoài, cùng với đó là độ phủ vaccine cao trên toàn quốc sẽ đem lại động lực tăng trưởng lớn cho cả nước. Ngoài ra, Quốc hội đã ban hành Nghị quyết 43 về gói cứu trợ phục hồi kinh tế giá trị 350,000 nghìn tỷ, hứa hẹn sẽ là 1 năm tăng trưởng tốt của kinh tế Việt Nam. Theo báo cáo của Ngân hàng Thế giới, GDP của Việt Nam năm 2022 được dự báo tăng trưởng ở mức 5.6% so với mức tăng 2.6% của 2021. Tuy vậy, với kinh nghiệm quản trị, Ban Lãnh đạo vẫn giữ vị thế chủ động, bám sát tình hình kinh tế thị trường để đưa ra các quyết định kinh doanh chính đúng với nghị quyết Đại hội Đồng cổ đông, cùng với tập thể cán bộ công nhân viên đáp lại sự tin tưởng của cổ đông đã dành cho chúng tôi.

Trân trọng cảm ơn

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
PHẠM HOÀNH SƠN**

MỤC LỤC

Chương 1

Phần mở đầu

- Thông tin chung
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các sự kiện chính trong năm
- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi
- Một số chỉ tiêu chính năm 2017 - 2021

Chương 2

Giới thiệu Cao su Sao Vàng

- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Giới thiệu Ban Lãnh đạo
- Vị thế
- Định hướng phát triển
- Rủi ro

Chương 3

Tình hình hoạt động trong năm 2021

- Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh
- Tổ chức và chính sách nhân sự
- Tình hình đầu tư và thực hiện dự án
- Tình hình tài chính
- Cổ đông và vốn đầu tư của chủ sở hữu

Chương 4

Báo cáo của Ban Điều hành

- Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021
- Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2021
- Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh 2022

Chương 5

Báo cáo của Ban Kiểm soát

- Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021
- Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2021
- Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị
- Kế hoạch, nhiệm vụ của BKS năm 2022

Chương 6

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

- Quản trị công ty
- Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty trong năm 2021
- Hoạt động của HĐQT năm 2021
- Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành
- Mức cổ tức năm 2021
- Kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022

Chương 7

Phát triển bền vững

- Mục tiêu phát triển bền vững
- Đánh giá của Ban Giám đốc
- Các chỉ tiêu phát triển bền vững

Chương 8

Báo cáo tài chính

Chương 1

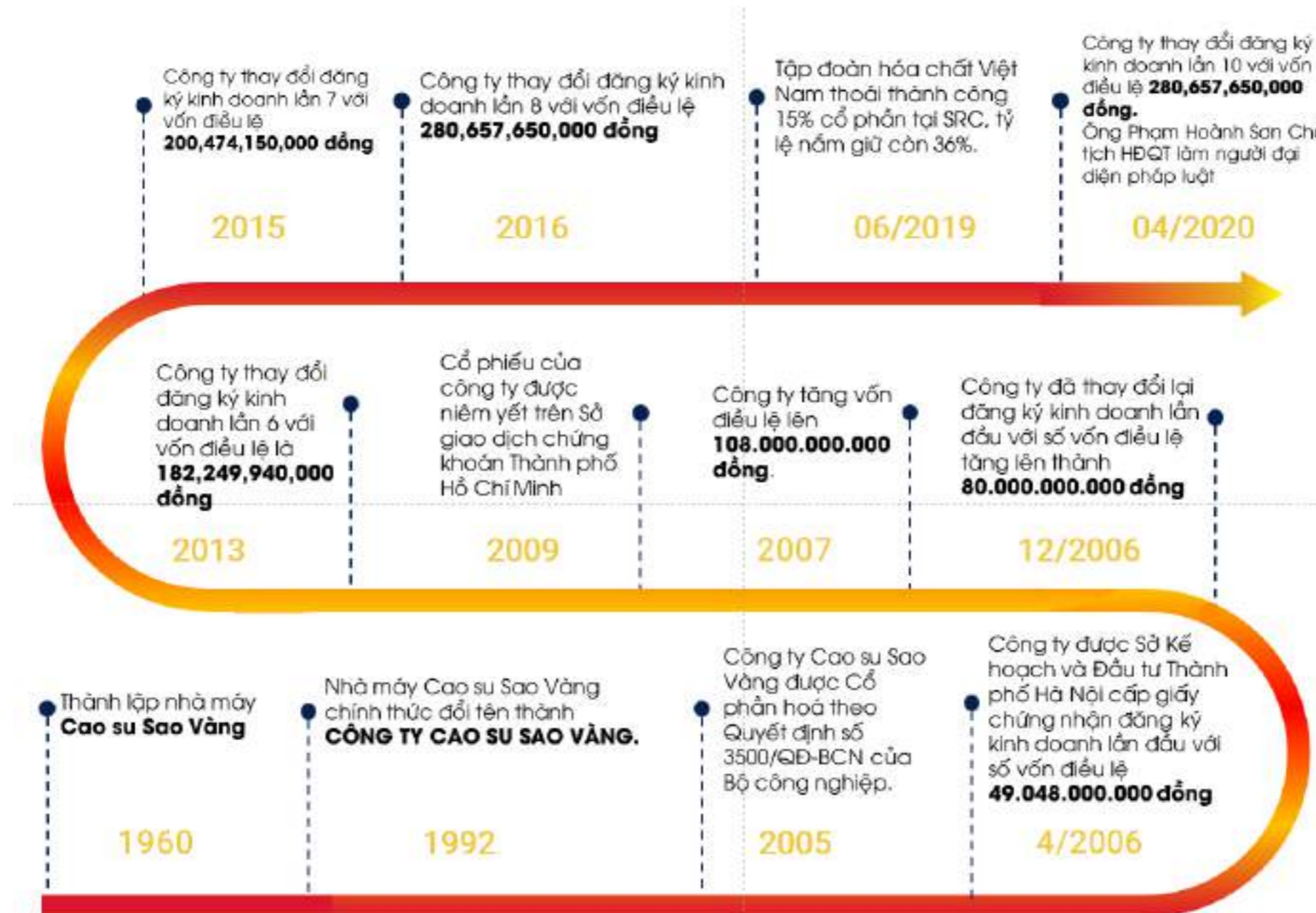
Phần mở đầu

- Thông tin chung
- Quá trình hình thành và phát triển
- Các sự kiện chính trong năm
- Một số chỉ tiêu chính năm 2017 - 2021
- Tầm nhìn - Sứ mệnh - Giá trị cốt lõi



Tên công ty	Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng
Tên tiếng anh	Sao Vàng Rubber Joint Stock Company
Trụ sở chính	Số 231, Đường Nguyễn Trãi, Phường Thượng Đình, Quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội
Điện thoại	0243 858 3656
Fax	0243 858 3644
Email	caosusaovang@src.com.vn
Website	http://www.src.com.vn
Ngành nghề	Sản xuất công nghiệp
Mã số thuế	0100100625
Đăng ký kinh doanh	0100100625 cấp lần đầu 03/04/2006 Thay đổi lần thứ 10 ngày 28/04/2020 tại Sở kế hoạch và Đầu tư Hà Nội
Mã chứng khoán	SRC
Mệnh giá	10000 VNĐ/cp
Khối lượng niêm yết	28,065,765
Cổ phiếu quỹ	0
Vốn điều lệ	280,657,650,000
Slogan	Thách thức mọi con đường

QUÁ TRÌNH HÌNH THÀNH VÀ PHÁT TRIỂN



NHỮNG THÀNH TÍCH ĐÃ ĐẠT ĐƯỢC NĂM 2021

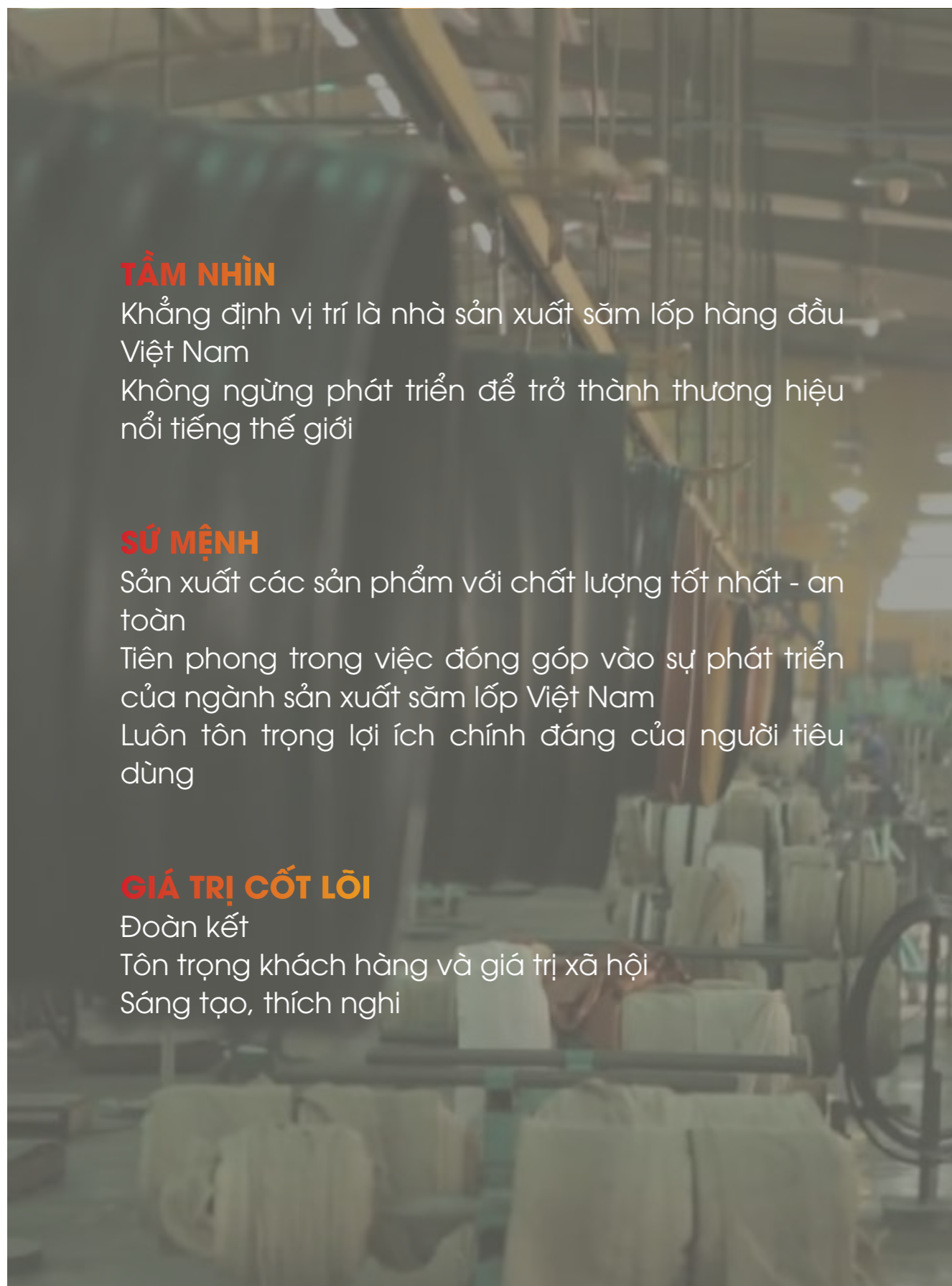
Cao su Sao Vàng đã tích cực nghiên cứu, thử nghiệm các công nghệ, phương thức sản xuất mới để khắc phục các hạn chế còn tồn đọng trên sản phẩm của công ty, tiết kiệm giá thành sản xuất sản phẩm, từ đó không ngừng nâng cao chất lượng các sản phẩm như săm lốp ô tô, xe máy, đáp ứng được kỳ vọng của khách hàng

PHƯƠNG HƯỚNG NHIỆM VỤ 2022

1. Triển khai thực hiện các công việc trong hợp đồng hợp tác nghiên cứu sản xuất lốp máy bay SU30
2. Nâng cao chất lượng lốp ô tô với các giải pháp kỹ thuật nhằm khắc phục các lỗi hư hỏng của lốp còn tồn tại trong quá trình sử dụng sản phẩm như:
 - Các hiện tượng hư hỏng tại gót lốp: lồi tanh, bệt tanh
 - Hiện tượng mòn nhanh đối với lốp ô tô đường trường
 - Hiện tượng vỡ hoa đối với lốp công trường
3. Nâng cao chất lượng lốp XM không săm, nhanh chóng triển khai và sản xuất sản phẩm của dự án lốp không săm tại Xuân hòa.
4. Cải tiến chất lượng băng tải phẳng, băng tải gân.
5. Hoàn thiện chất lượng lốp xe nâng.
6. Tìm hiểu các loại vật liệu mới, công nghệ sx vật liệu mới phù hợp để sản xuất SP CSKT
7. Không ngừng khai thác các nguồn nguyên vật liệu mới có chất lượng tốt và giá cạnh tranh để hợp lý chi phí NVL.

MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH NĂM 2017-2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2017	Năm 2018	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
Kết quả hoạt động kinh doanh						
Doanh thu	Tỷ đồng	934	929	929	1,384	995
Doanh thu thuần	Tỷ đồng	934	925	926	1,349	956
Giá vốn hàng bán	Tỷ đồng	784	781	765	1,132	780
Lợi nhuận gộp	Tỷ đồng	149	144	162	217	176
Doanh thu từ hoạt động tài chính	Tỷ đồng	2	1	2	7	12
Chi phí hoạt động	Tỷ đồng	67	72	69	91	75
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	Tỷ đồng	34	13	51	91	53
Lợi nhuận thuần từ hoạt động khác	Tỷ đồng	9	2	1	6	0
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	43	15	52	96	52
Lợi nhuận sau thuế	Tỷ đồng	34	12	41	74	40
Bảng cân đối kế toán						
Tổng tài sản	Tỷ đồng	857	847	807	1,405	1,235
Vốn điều lệ	Tỷ đồng	281	281	281	281	281
Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	343	341	381	428	433
Nợ phải trả	Tỷ đồng	514	506	425	977	803
Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu						
Thu nhập trên vốn cổ phần (ROE)	%	9.96	3.57	11.45	18.16	9.30
Thu nhập trên tổng tài sản (ROA)	%	4.33	1.43	5.00	6.65	3.03
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VNĐ	1,220	435	1,474	2,620	1,427



TÂM NHÌN

Khẳng định vị trí là nhà sản xuất săm lốp hàng đầu Việt Nam

Không ngừng phát triển để trở thành thương hiệu nổi tiếng thế giới

SỨ MỆNH

Sản xuất các sản phẩm với chất lượng tốt nhất - an toàn

Tiên phong trong việc đóng góp vào sự phát triển của ngành sản xuất săm lốp Việt Nam

Luôn tôn trọng lợi ích chính đáng của người tiêu dùng

GIÁ TRỊ CỐT LÕI

Đoàn kết

Tôn trọng khách hàng và giá trị xã hội

Sáng tạo, thích nghi

Chương 2

Giới thiệu

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

- Ngành nghề và địa bàn kinh doanh
- Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý
- Giới thiệu Ban Lãnh đạo
- Vị thế
- Định hướng phát triển
- Rủi ro



NGÀNH NGHỀ VÀ ĐỊA BÀN KINH DOANH

Hoạt động kinh doanh của Công ty tại thị trường trong nước trải dài ở cả 3 miền **Bắc, Trung, Nam** và hơn **20 quốc gia** trên thế giới.

CÁC SẢN PHẨM, DỊCH VỤ KINH DOANH

Kinh doanh các sản phẩm làm từ cao su



Chế tạo, mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su



Lốp các loại (xe máy, ô tô, máy bay,...)



Cao su kỹ thuật



Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, thiết bị máy móc, hoá chất phục vụ ngành sản xuất công nghiệp Cao su



Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi



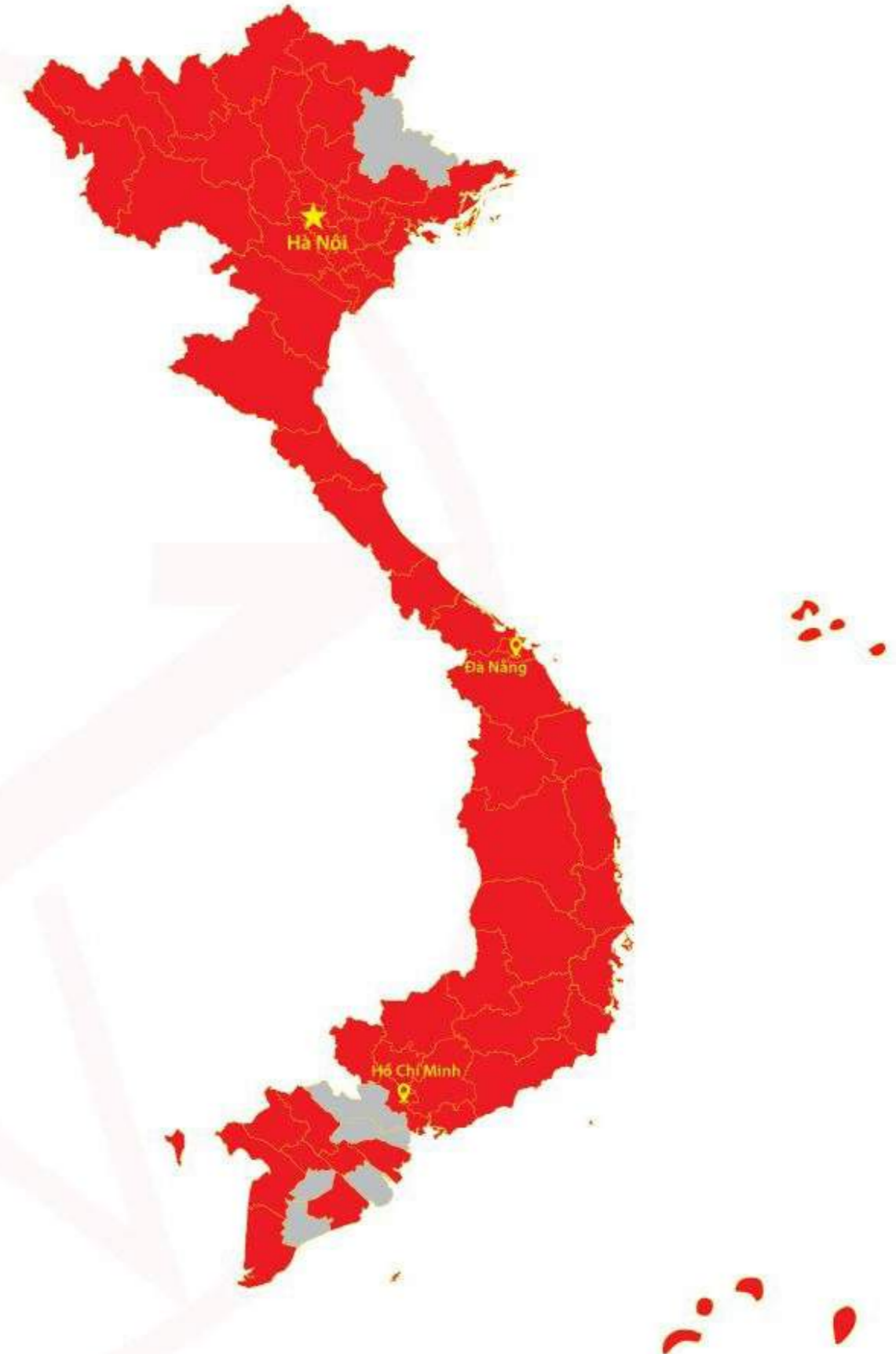
Săm các loại (xe máy, ô tô, xe đạp)



Băng tải

Hệ thống đại lý toàn quốc:

1	An Giang	33	Kon Tum
2	Bà Rịa – Vũng Tàu	34	Lai Châu
3	Bắc Giang	35	Lâm Đồng
4	Bắc Kạn	36	Lạng Sơn
5	Bạc Liêu	37	Lào Cai
6	Bắc Ninh	38	Long An
7	Bến Tre	39	Nam Định
8	Bình Định	40	Nghệ An
9	Bình Dương	41	Ninh Bình
10	Bình Phước	42	Ninh Thuận
11	Bình Thuận	43	Phú Thọ
12	Cà Mau	44	Phú Yên
13	Cần Thơ	45	Quảng Bình
14	Cao Bằng	46	Quảng Nam
15	Đà Nẵng	47	Quảng Ngãi
16	Đắk Lắk	48	Quảng Ninh
17	Đắk Nông	49	Quảng Trị
18	Điện Biên	50	Sóc Trăng
19	Đồng Nai	51	Sơn La
20	Đồng Tháp	52	Tây Ninh
21	Gia Lai	53	Thái Bình
22	Hà Giang	54	Thái Nguyên
23	Hà Nam	55	Thanh Hóa
24	Hà Nội	56	Thừa Thiên Huế
25	Hà Tĩnh	57	Tiền Giang
26	Hải Dương	58	Tp. Hồ Chí Minh
27	Hải Phòng	59	Trà Vinh
28	Hậu Giang	60	Tuyên Quang
29	Hòa Bình	61	Vĩnh Long
30	Hưng Yên	62	Vĩnh Phúc
31	Khánh Hòa	63	Yên Bái
32	Kiên Giang		



Xuất khẩu sang các nước:



GIỚI THIỆU BAN LÃNH ĐẠO HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Ông Phạm Hoàn Sơn

Chủ tịch Hội đồng quản trị

Ông sinh năm 1972. Ông là Chủ tịch hội đồng quản trị từ tháng 4/2020

● Trình độ chuyên môn

Quản lý kinh tế

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chủ tịch HĐQT, Người đại diện theo pháp luật.

● Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác

- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàn Sơn.
- Chủ tịch HĐQT Công ty Cổ phần đầu tư và phát triển Vũng Áng.
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàn Sơn.
- Chủ tịch HĐQT, Tổng giám đốc Công ty CP Sao Vàng - Hoàn Sơn.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông Nguyễn Việt Hùng

Thành viên HĐQT kiêm Tổng giám đốc

Ông sinh năm 1967. Ông là Tổng giám đốc công ty cổ phần Cao su Sao vàng từ năm 2019

● Trình độ chuyên môn

Thạc sĩ QTKD, Kỹ sư điện, Kỹ sư Tin học

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên HĐQT kiêm Tổng Giám đốc

● Quá trình công tác

- 1997 - 1999: Kỹ sư - XNNL CT Cao su Sao vàng
- 1999 - 2000 : Kỹ sư P.KTCN CT Cao su Sao vàng
- 2000 - 2002 : Thư ký Giám đốc Công ty
- 2002 - 2003: Phó P.KTCN Công ty Cao su Sao vàng
- 2003- 9/2006 : Phó Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao vàng
- 10/2006 - 2/2007 :Phó GD, GD XN Năng lượng Công ty CP Cao su Sao vàng
- 3/2007 - 9/2010 :Giám đốc XNCS3 Công ty CP Cao su Sao vàng
- 10/2010 - 10/2012 :Giám đốc XNCS 1 Công ty CP Cao su Sao vàng
- 10/2012 - 4/2018 :Phó TGD Công ty CP Cao su Sao vàng
- 5/2018 -2/2019: Thành viên HĐQT, Phó TGD Công ty CP Cao su Sao vàng
- 3/2019 - nay: Thành viên HĐQT, TGD Công ty CP Cao su Sao vàng



Ông Nguyễn Thanh Tùng

Thành viên Hội đồng quản trị
 kiêm Kế toán trưởng, P. Tổng giám đốc
 Ông sinh năm 1973. Ông là Thành viên hội
 đồng quản trị từ tháng 12/2016

● Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên HĐQT kiêm Phó TGD

Kế toán trưởng

● Quá trình công tác

5/1995 - 5/2002 :Kế toán Công ty CP Cao su Sao Vàng

6/2002 - 3/2016: Phó phòng TCKT Công ty CP Cao su Sao Vàng

4/2016 - 11/2016 : Thành viên HĐQT, Phó phòng Tài chính kế toán.

12/2016 - 4/2018: Thành viên HĐQT, Trưởng phòng TCKT.

5/2018 - 15/12/2019: Thành viên HĐQT, Kế toán trưởng Công ty.

16/12/2019 - 14/01/2020: Kế toán trưởng Công ty.

15/01/2020 - 08/6/2020: Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng Công ty.

08/6/2020 - đến nay: Thành viên HĐQT, Phó TGD, Kế toán trưởng

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (tiếp theo)



Ông Lương Xuân Hoàng

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông sinh năm 1981. Ông là thành viên Hội
 đồng quản trị từ tháng 4/2021

● Trình độ chuyên môn

Kỹ sư xây dựng, Cử nhân kinh tế

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên hội đồng quản trị

● Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác

5/2004 - 12/2012: Phó GD Công ty xây dựng 325

01/2012 - 07/2014: Chuyên viên phòng kinh doanh Bắc Á - AMC

07/2014 - nay: CVC xử lý nợ Vietinbank



Ông Nguyễn Đình Sơn

Thành viên Hội đồng quản trị

Ông sinh năm 1977. Ông là thành viên Hội đồng quản trị từ tháng 4/2021

● Trình độ chuyên môn

Kỹ sư Xây dựng

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên Hội đồng quản trị

● Chức vụ nắm giữ tại các đơn vị khác

08/1999 - 12/2017: Phó GD TT4 - Công ty TSTK & TVXD - BQP

01/2018 - nay: Phó GD Công ty TNHH Tư vấn, thiết kế Phú Xuân

BAN KIỂM SOÁT

Ông Trần Minh Tuấn

Trưởng Ban kiểm soát

Ông sinh năm 1978. Ông là Trưởng Ban kiểm soát từ tháng 05/2016

● Trình độ chuyên môn

Cử nhân kinh tế

● Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Trưởng Ban kiểm soát

● Quá trình công tác

11/2000 - 10/2001 Kế toán Xí nghiệp luyện Xuân hòa - CT Cao su Sao vàng

11/2001 - 3/2002 Kế toán Chi nhánh Hồ Chí Minh - Công ty Cao su Sao vàng

4/2002 - 8/2003 Kế toán - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty Cao su Sao vàng

9/2003 - 10/2005 Kế toán Chi nhánh Đà Nẵng - Công ty Cao su Sao vàng

11/2005 - 12/2014 Kế toán - Phòng Tài chính Kế toán - Công ty CP Cao su Sao vàng

01/2015 - 08/2015 Chuyên viên Văn phòng - Công ty CP Cao su Sao Vàng

09/2015 - 04/2016 Phó Chánh phụ trách Văn phòng - Công ty CP Cao su Sao Vàng

05/2016 - đến nay Trưởng Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Sao Vàng

Bà Vũ Thị Mai Nhung*Thành viên Ban kiểm soát***Trình độ chuyên môn**

Cử nhân kinh tế

Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác

1988 - 1999: Nhân viên kế toán, Công ty Xây dựng số 25 - Tổng Công ty Xây dựng Sông Hồng

2000 - 2007: Biên tập viên, Kế toán - NXB Thống kê

2008 - 2011: Chuyên viên phòng Tiếp thị bán hàng - CTCP Cao su Sao Vàng

2011 - 2015: Chuyên viên phòng Tài chính kế toán, thành viên Ban Kiểm soát- Công ty

Tài chính Cổ phần Hóa chất Việt Nam

2015 - nay: Chuyên viên Ban kế hoạch kinh doanh - Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

2018 - nay: Thành viên Ban Kiểm soát, CTCP Pin Ấc Quy miền Nam

Ông Hoàng Văn Hòa*Thành viên Ban kiểm soát***Trình độ chuyên môn**

Cử nhân Quản trị kinh doanh

Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Thành viên Ban kiểm soát

Quá trình công tác

2012 - 04/2018: Chuyên viên P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

04/2018 - nay: Phó P.TTBH - Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

BAN TỔNG GIÁM ĐỐC**Nguyễn Việt Hùng***Tổng Giám đốc***Đã giới thiệu tại
mục Hội đồng
Quản trị****Nguyễn Thanh Tùng***Phó Tổng Giám đốc kiêm
Kế toán trưởng***Đã giới thiệu tại
mục Hội đồng
Quản trị****Nguyễn Quang Hà***Phó Tổng Giám đốc***Trình độ chuyên môn**

Kỹ sư hóa polyme Hóa Đại học Bách khoa Hà Nội

Chức vụ hiện nay tại Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Phó Tổng Giám đốc

Quá trình công tác

07/1997 - 5/2001: Giám đốc PT sản xuất -

Công ty cao su Inoue Việt Nam

05/2001 - 1/2003: P. Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng

01/2003 - 3/2006: Giám đốc - XNCS3 Công ty Cao su Sao Vàng

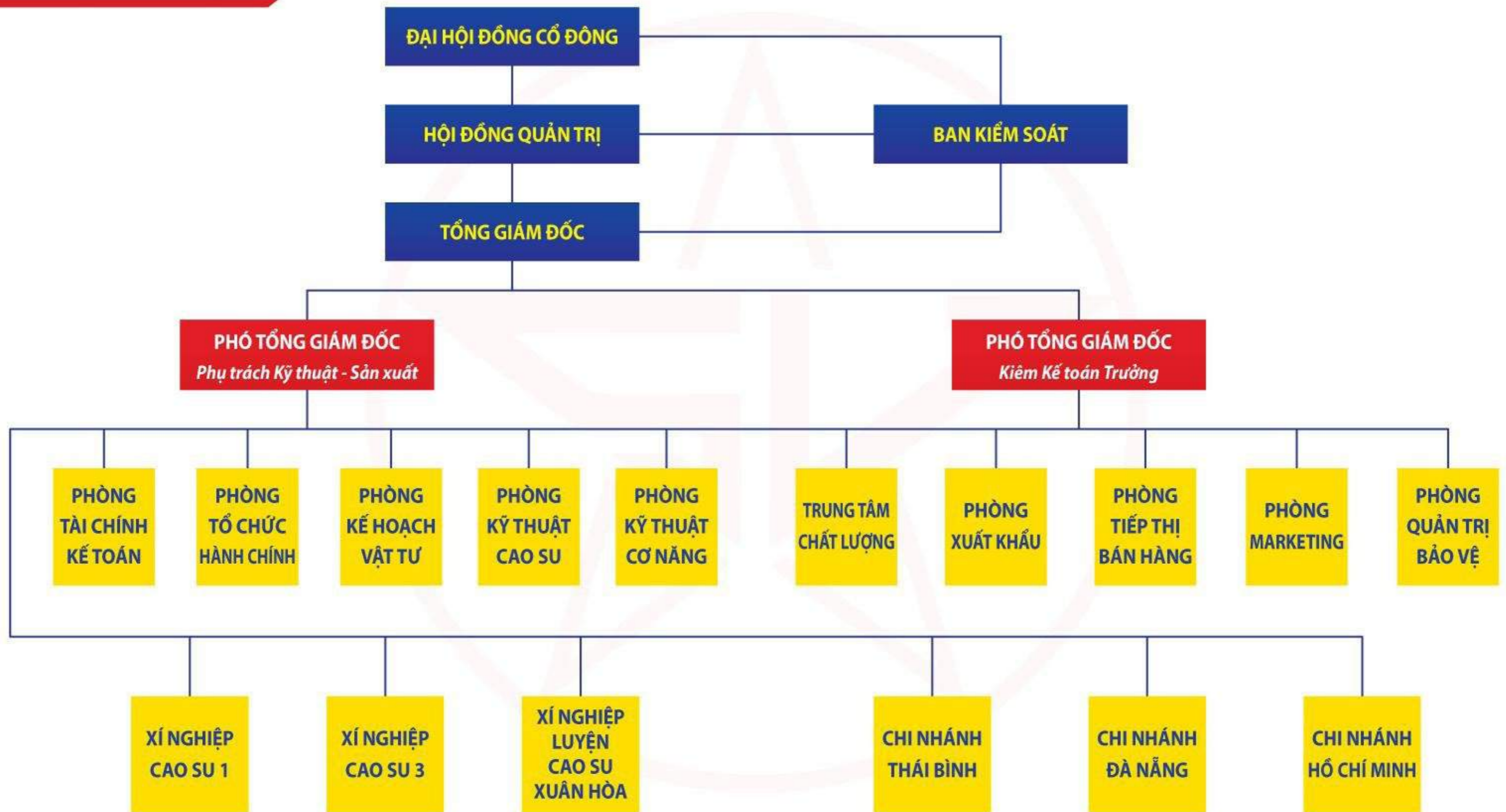
04/2006 - 1/2007: Giám đốc - XNCS3 Công ty CP Cao su Sao Vàng

02/2007 - 4/2011: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

05/2011 - 4/2016: TV. HĐQT, P. TGD- Công ty CP Cao su Sao Vàng

05/2016 - đến nay: P. Tổng Giám đốc - Công ty CP Cao su Sao Vàng

Sơ đồ tổ chức:





Thông tin công ty:

Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG**
SAO VANG RUBBER JOINT-STOCK COMPANY

Trụ sở chính:

Số 231 Nguyễn Trãi, P. Thượng Đình, Q. Thanh Xuân, Tp. Hà Nội

Điện thoại: (+84) 243 858 3656 - Fax: (+84) 243 858 3644

Email: caosusaovang@src.com.vn

Website: www.src.com.vn

Xí nghiệp Luyện Cao su Xuân Hòa:

Số 484 Nguyễn Văn Linh, P. Xuân Hòa, Tp. Phúc Yên, T. Vĩnh Phúc

Điện thoại: (+84)211 3863 924

Chi nhánh tại Thái Bình:

Số 5 Trần Thủ Độ, P. Tiền Phong, T. Thái Bình

Điện thoại: (+84) 227 3831 284

Chi nhánh tại Đà Nẵng:

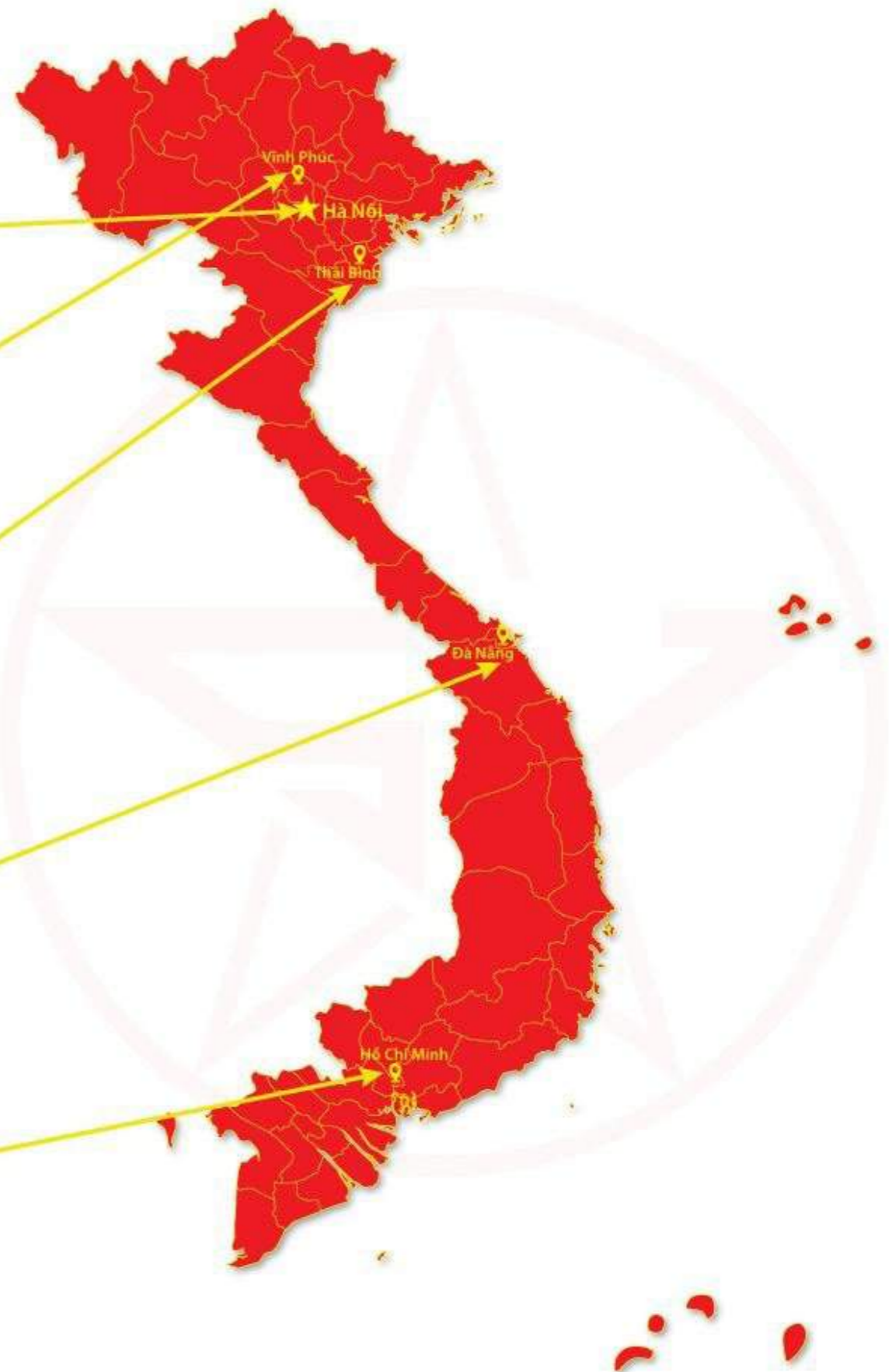
QL 1A, Hòa Châu, Hòa Vang, Tp. Đà Nẵng

Điện thoại: 0236 3685029 - Fax: 02363685030

Chi nhánh tại Hồ Chí Minh:

63 Nguyễn Bình Khiêm, Quận 1, Tp. Hồ Chí Minh

Điện thoại: (+84)



Phân tích SWOT



Điểm mạnh

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng là doanh nghiệp lâu đời, với kinh nghiệm nhiều năm sản xuất các sản phẩm săm lốp, công ty đang khẳng định được vị thế trên thị trường là một trong những doanh nghiệp hàng đầu trong lĩnh vực sản xuất săm lốp. Mạng lưới khách hàng thân thiết và hệ thống đối tác trung thành trải dài khắp cả nước ở kênh bán hàng truyền thống. Quỹ đất vàng tại trung tâm thành phố Hà Nội, vị trí thuận lợi để phát triển các hoạt động kinh doanh bất động sản thương mại.

Điểm yếu

Công nghệ sản xuất kinh doanh còn thấp, doanh nghiệp gặp nhiều rào cản trong cập nhật máy móc thiết bị sản xuất kinh doanh.

Danh mục sản phẩm của công ty chưa đa dạng, còn một số sản phẩm đáp ứng được thị hiếu của khách hàng, trong đó yếu tố công nghệ còn chưa cao.

Các dự án hợp tác, di dời cơ sở sản xuất kinh doanh có tốc độ triển khai chậm.



Cơ hội

Với lộ trình cam kết hội nhập với các hiệp định thương mại tự do được ký kết, các hàng rào thuế quan dần được dỡ bỏ, thị phần xuất khẩu của doanh nghiệp có nhiều dư địa để mở rộng.

Nhu cầu săm lốp và các sản phẩm cao su khác có xu hướng tăng trưởng cùng với đà phục hồi kinh tế sau đại dịch ở Việt Nam

Thách thức

Các sản phẩm của công ty gặp phải cạnh tranh gay gắt từ các nhà sản xuất khác Sản phẩm lốp ô tô của Cao su Sao Vàng đã cũ và không còn bắt kịp xu hướng thị trường, chủ yếu do công nghệ sản xuất chưa cao

Các yếu tố khách quan bên ngoài như lạm phát và đứt gãy chuỗi cung ứng làm giá thành nguyên vật liệu đầu vào của công ty tăng cao, dẫn đến giá vốn cao làm giảm lợi thế cạnh tranh về giá của doanh nghiệp



Các công ty con, công ty liên kết

STT	Tên công ty	Loại hình	Địa chỉ	Lĩnh vực SXKD chính	Vốn điều lệ (tỷ đồng)	Tỷ lệ sở hữu (%)
1	Công ty CP Philips Carbon Black	Công ty liên kết	Lô đất số 4, Khu công nghiệp Mỹ Xuân A - Huyện Tân Thành - Bà Rịa - Vũng Tàu	Sản xuất than đen	120,6	7%
2	Công ty TNHH Sao Vàng Hoàn Sơn	Công ty liên doanh, liên kết	Số 231 đường Nguyễn Trãi - Phường Thượng Đình - Quận Thanh Xuân - Hà Nội.	Đầu tư, kinh doanh bất động sản	500	26%
3	Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàn Sơn	Công ty liên doanh, liên kết	Khối hành chính dịch vụ, KCN cảng biển Vũng Áng, Xã Kỳ Lợi, thị xã Kỳ Anh, Hà Tĩnh	Sản xuất kinh doanh các sản phẩm cao su	750	50%

ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN

Mục tiêu ngắn hạn

Khẳng định vị thế là nhà cung cấp lốp xe và các sản phẩm cao su kỹ thuật hàng đầu Việt Nam
Khai thác triệt để các dòng sản phẩm đang có doanh thu tốt trên thị trường, ngoài ra tập trung đầu tư công nghệ sản xuất các sản phẩm mới như: lốp ô tô radian, lốp xe không săm, lốp xe đặc chủng, xe tải cỡ lớn...

Mục tiêu dài hạn

Công ty đang triển khai giai đoạn chuẩn bị đầu tư dự án Di dời và sản xuất lốp Radial đến địa điểm mới.

Gia tăng chất lượng sản phẩm, mở rộng các danh mục sản phẩm và tận dụng lợi thế từ các hiệp định thương mại để khai phá các thị trường xuất khẩu mới.

Áp dụng cải tiến công nghệ để gia tăng năng lực sản xuất kinh doanh, hợp tác với các doanh nghiệp trong và ngoài nước để sản xuất các sản phẩm đạt chất lượng cao, đạt tiêu chuẩn xuất khẩu và phù hợp với thị hiếu khách hàng.



RỦI RO?

Rủi ro kinh tế

Các ảnh hưởng tiêu cực từ dịch bệnh covid-19 đã tạo nên sự phân hóa rõ rệt ở tốc độ phục hồi của các quốc gia. Nếu với các nền kinh tế lớn, việc chủ động được nguồn cung vaccine đã giúp các quốc gia này có thể mở cửa sớm hơn các quốc gia vừa và nhỏ, từ đó thúc đẩy kinh tế hồi phục sau đại dịch. Trái lại, các thị trường nhỏ hơn vẫn phải ưu tiên mục tiêu chống dịch trước dẫn đến khả năng hồi phục kinh tế chậm lại, Việt Nam cũng không nằm trong ngoại lệ. Mặc dù vậy, vẫn có những mảng sáng trong bức tranh kinh tế năm 2021 được đánh giá khá ảm đạm. Chiến tranh thương mại Mỹ-Trung dẫn đến sự chuyển dịch dòng vốn đầu tư nước ngoài vào Việt Nam, tạo ra nhiều công ăn việc làm cho người dân. Ngoài ra, Quốc hội cũng đã ban hành gói kích thích kinh tế trị giá 350,000 tỷ VNĐ nhằm kích cầu thị trường, hỗ trợ các doanh nghiệp trong hoạt động sản xuất kinh doanh. Triển vọng phát triển kinh tế của Việt Nam trong ngắn hạn và trong dài hạn vẫn được đánh giá cao, Ngân hàng Thế giới dự đoán GDP của Việt Nam sẽ tăng trưởng khoảng 6-6.5% trong năm 2022 trong kịch bản kinh tế tươi sáng, dịch bệnh được kiểm soát và chuỗi cung ứng được nối lại.

Mặc dù vậy, ban lãnh đạo công ty sẽ không chủ quan mà bám sát diễn biến thị trường, tình hình kinh tế vĩ mô, vĩ mô để có thể đưa ra các chính sách quản trị rủi ro kinh tế, trong bối cảnh nền kinh tế có sự chuyển biến không như mong muốn. Chủ động nghiên cứu, tìm hiểu và đề ra những giải pháp phòng ngừa rủi ro sẽ giúp doanh nghiệp phát triển một cách bền vững.



Rủi ro dịch bệnh

Trong năm 2021, tình hình dịch bệnh diễn ra hết sức phức tạp và có tác động nặng nề đến nền kinh tế thế giới nói chung và kinh tế Việt Nam nói riêng. Dịch bệnh diễn biến phức tạp trong quý III đã buộc nhiều tỉnh thành phải hạn chế đi lại, gây ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp, tính đến tháng 11/2021, đã có khoảng 100,600 doanh nghiệp phải giải thể, ngừng hoạt động vì ảnh hưởng của dịch bệnh. Đối với 1 số doanh nghiệp duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh và thực hiện phương châm “3 tại chỗ” khiến chi phí vận hành tăng cao ảnh hưởng đến kết quả sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19 cũng làm giảm đáng kể sức mua của thị trường, kìm hãm đà phát triển của ngành công nghiệp ô tô và các sản phẩm đi kèm, vốn là động lực tăng trưởng chủ yếu của ngành sẫm lốp.

Doanh nghiệp đã nhanh chóng thực hiện các biện pháp phòng chống dịch bệnh theo hướng dẫn của Bộ Y tế như sát khuẩn nhà máy xí nghiệp, tổ chức chương trình tiêm vaccine cho tập thể cán bộ công nhân viên với mục tiêu là vừa đảm bảo tiêu chuẩn phòng chống dịch bệnh, vừa duy trì được hoạt động sản xuất kinh doanh, không để dịch bệnh ảnh hưởng đến doanh nghiệp và tập thể cán bộ công nhân viên của công ty.



Rủi ro pháp luật

Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng chịu ảnh hưởng của Luật Doanh nghiệp, Luật chứng khoán và các văn bản luật liên quan khác. Hệ thống luật và các văn bản dưới luật của Việt Nam trong năm 2021 có nhiều sự thay đổi lớn bao gồm sự sửa đổi, bổ sung của Luật Đầu tư, Luật doanh nghiệp, Luật đầu tư. Luật doanh nghiệp số 54/2020/QH14 và Luật chứng khoán 54/2019/QH14 sẽ có hiệu lực từ ngày 01/01/2021

Luật Doanh nghiệp mới đã nâng cao khung khổ pháp lý về quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả quản trị và hoạt động của các Doanh nghiệp. Ngoài ra còn một số thông tư, nghị định hướng dẫn thực hiện những Luật này. Công ty cần chủ động nghiên cứu, tìm hiểu để thực hiện theo đúng những quy định đã được ban hành.

Rủi ro sản phẩm cạnh tranh

Thị trường sẫm lốp ô tô vốn đã rất cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước, áp lực này lại ngày càng gia tăng khi các doanh nghiệp FDI tại Việt Nam trong cùng ngành sản xuất các sản phẩm sẫm lốp xuất khẩu còn đang đẩy mạnh tiêu thị trên thị trường trong nước.

Giá các nguyên liệu đầu vào như giá cao su, giá thép tăng mạnh mặc cho doanh nghiệp khó có thể tăng giá sản phẩm đầu ra tương ứng với mức tăng của nguyên liệu đầu vào, vốn chiếm đến khoảng 70-75% giá thành sản phẩm bán ra do vấp phải sự cạnh tranh quyết liệt từ các sản phẩm nhập khẩu, đặc biệt là các sản phẩm từ Trung Quốc có giá thấp hơn khoảng 20% so với nhà sản xuất trong nước. Để cạnh tranh với các sản phẩm từ nước ngoài, doanh nghiệp còn phải tăng mức chiết khấu cho các nhà phân phối, đại lý trong nước... càng làm cho doanh thu của doanh nghiệp gặp nhiều khó khăn

Rủi ro tỷ giá

Công ty chịu rủi ro về tỷ giá do giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá ngoại tệ khi các khoản vay, doanh thu và chi phí của Công ty được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ khác với đồng Việt Nam. Nguyên liệu nhập khẩu phục vụ sản xuất chiếm tỷ trọng tương đối cao trong Công ty, hoạt động này chịu ảnh hưởng lớn bởi biến động tỷ giá.

Căn cứ vào kế hoạch kinh doanh và kinh nghiệm lâu năm trong ngành, SRC đã và đang nỗ lực trong công tác dự báo thị trường, dự báo nhu cầu nguyên vật liệu để đảm bảo cân đối nhu cầu nguyên vật liệu phục vụ sản xuất và nhu cầu sử dụng ngoại tệ để hạn chế những bị động khi tỷ giá biến động cũng như khi thị trường nguyên vật liệu thế giới biến động

Rủi ro tài chính

Công ty luôn hướng đến cấu trúc tài chính lành mạnh, duy trì dòng tiền hợp lý để cân đối giữa rủi ro và tối đa giá trị doanh nghiệp. Ngoài ra, ban lãnh đạo đã và đang xây dựng mô hình quản trị rủi ro để cân đối tốt chi phí quản lý rủi ro và chi phí quản lý rủi ro. Ban TGD công ty đã theo dõi quy trình quản lý rủi ro để đảm bảo sự cân bằng hợp lý giữa rủi ro và kiểm soát rủi ro. Với kinh nghiệm quản trị của mình, ban quản trị đã nỗ lực để tối thiểu hóa các chi phí như chi phí bán hàng, quản lý chi phí giá vốn khiến tỷ suất lợi nhuận gộp của doanh nghiệp có sự tăng trưởng tốt so với cùng kỳ.



Rủi ro giá nguyên liệu đầu vào

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải màn, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 – 75% giá thành sản phẩm. Chính vì vậy, giá thành các nguyên liệu đầu vào ảnh hưởng lớn đến lợi nhuận của doanh nghiệp. Nếu trong năm 2020, giá các nguyên liệu đầu vào có xu hướng giảm, tạo điều kiện thuận lợi cho doanh nghiệp tối thiểu hóa chi phí giá vốn thì sang năm 2021, do nhu cầu phục hồi kinh tế và ảnh hưởng từ đứt gãy chuỗi cung ứng, giá các nguyên liệu đầu vào tăng mạnh. Trong khi đó, chính sách tăng giá bán tương ứng với mức tăng của nguyên liệu đầu vào sẽ làm giảm sản lượng tiêu thụ đầu ra của doanh nghiệp. Hơn thế nữa, các sản phẩm của công ty còn chưa thực sự bắt kịp được với xu hướng thị trường, tạo ra nhiều khó khăn trong quá trình tiêu thụ sản phẩm. Để đối phó với rủi ro và cơ hội này, Công ty đã duy trì các mối quan hệ truyền thống với các nhà cung cấp trong và ngoài nước để đảm bảo nguồn cung ứng nguyên vật liệu đầu vào ổn định, chất lượng đảm bảo, giá cạnh tranh. Đầu tư nghiên cứu công tác dự báo và thông tin đối thủ cạnh tranh để xây dựng được chiến lược giá bán linh hoạt, hợp lý

Rủi ro môi trường

Phát triển hoạt động sản xuất kinh doanh bền vững đi kèm với bảo vệ môi trường luôn là mối quan tâm được doanh nghiệp đặt lên hàng đầu. Các phế phẩm, khí thải, nước thải từ quá trình sản xuất sản phẩm luôn được doanh nghiệp quan tâm xử lý đúng với quy định của nhà nước, sao cho ảnh hưởng đến môi trường xung quanh ở mức tối thiểu. Ngoài ra, công ty còn có những chính sách tái chế, tái sử dụng một số các nguyên liệu đầu vào vừa bảo vệ môi trường vừa tiết kiệm chi phí đầu vào



Chương 3

Tình hình hoạt động trong năm 2021

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổ chức và chính sách nhân sự

Tình hình đầu tư và thực hiện dự án

Tình hình tài chính

Cổ đông và vốn đầu tư của chủ sở hữu



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH

Thông tin ngành

Ngành sản lốp Việt Nam được đánh giá có nhiều triển vọng và lợi thế cạnh tranh trên thị trường quốc tế. Tuy nhiên, bên cạnh những thuận lợi về thị trường xuất khẩu, doanh nghiệp sản lốp đang gặp khó khăn do giá cao su thiên nhiên và cước vận chuyển tăng cao bởi ảnh hưởng của dịch COVID-19.

Từ kết quả của cuộc điều tra, DOC áp thuế chống trợ cấp lần lượt 7.89% và 6.23% đối với lốp ô tô từ 2 công ty Kumho Tire (Việt Nam) Co. Ltd. và Sailun (Vietnam) Co. Ltd., các doanh nghiệp còn lại đều sẽ bị áp mức thuế suất chung 6.46%. Ngoài ra, lốp xe Việt Nam xuất khẩu sang Mỹ sẽ còn bị áp thêm thuế chống bán phá giá 22.3%, trừ một số công ty FDI như Kenda Rubber, Sailun Group, Bridgestone Corp, Kumho Tire,... sẽ không phải chịu loại thuế này.

Bên cạnh thuế suất, hoạt động xuất khẩu của các doanh nghiệp sản lốp còn gặp khó khăn vì chi phí vận chuyển tăng cao trong thời gian qua, do ảnh hưởng từ tình trạng thiếu hụt container rỗng. Tuy các doanh nghiệp sản lốp Việt Nam đều đã thực hiện tăng giá bán để bù đắp phần chi phí tăng thêm, nhưng điều này sẽ làm giảm sức cạnh tranh giữa các doanh nghiệp trong nước với các doanh nghiệp sản lốp nước ngoài.

Bên cạnh thị trường Mỹ, thị trường châu Âu cũng là một thị trường rất tiềm năng nhờ Hiệp định Thương mại Tự do Việt Nam - EU (EVFTA) có hiệu lực từ tháng 8/2020, với lộ trình giảm thuế nhập khẩu về 0% trong vòng 7 năm đối với phụ tùng ô tô. Tuy nhiên, các nước EU đòi hỏi lốp xe nhập khẩu phải đáp ứng tiêu chuẩn Emark và chứng nhận Reach, cho nên đây sẽ là thử thách không nhỏ cho các doanh nghiệp muốn tìm kiếm cơ hội ở thị trường khó tính này.

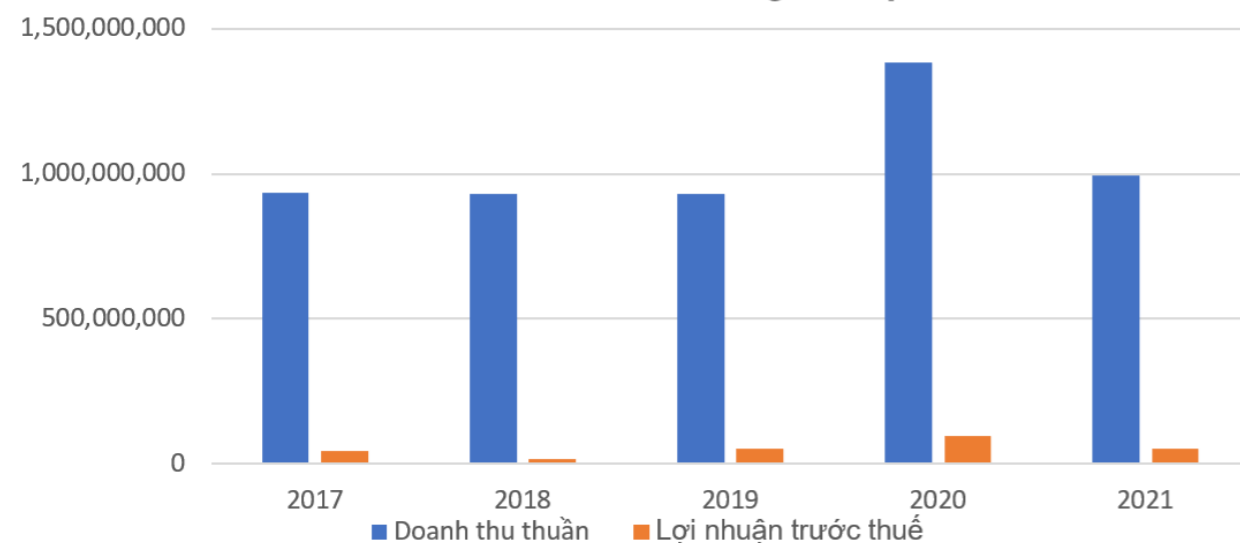
Kết quả sản xuất kinh doanh so với kế hoạch

Chỉ tiêu	Đơn vị	KH năm 2021	TH năm 2021	TH 2021 / KH 2021 (%)
Doanh thu thuần	Nghìn đồng	2.200.000.000	994.860.379	45.22
Lợi nhuận trước thuế	Nghìn đồng	100.000.000	52.401.000	52.4



Kết quả sản xuất kinh doanh qua các năm 2017-2021

Chỉ tiêu	Đơn vị	2017	2018	2019	2020	2021	2020/2021 (%)
Sản lượng							
Doanh thu thuần	Triệu đồng	993.736	928.602	929.146	1.383.920	994.860	72%
Giá vốn hàng bán	Triệu đồng	784.453	780.814	764.612	1.132.446	780.030	69%
Lợi nhuận trước thuế	Triệu đồng	43.241	15.253	51.710	96.469	52.401	54%

Biểu đồ Doanh thu thuần và LNST giai đoạn 2017 - 2021

Thị trường Việt Nam trong năm 2021 diễn biến khó lường, các ảnh hưởng tiêu cực của dịch bệnh khiến tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp không khả quan so với kế hoạch. Dịch bệnh bùng phát vào thời điểm quý III/2021 khiến sức mua của thị trường giảm mạnh, ngoài ra, các chi phí khác như chi phí tài chính, chi phí quản lý doanh nghiệp cũng tăng cao so với cùng kỳ do phải đáp ứng các tiêu chuẩn về phòng chống dịch như phun khử khuẩn nhà máy xí nghiệp. Giá thành các nguyên liệu đầu vào tăng mạnh cũng ảnh hưởng không tốt đến chi phí giá vốn của Cao su Sao Vàng, mức cao su tự nhiên chiếm khoảng 50% giá thành sản xuất của doanh nghiệp trong khi đó giá sản phẩm này trong năm 2021 tăng phi mã. Ngoài ra, SRC còn phải đối mặt với những khó khăn đến từ thị trường và các đối thủ cạnh tranh. Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm săm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam. Thị trường săm, lốp ô tô quá khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ quá khó khăn. Xu hướng chuyên đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này. Mặc dù vậy, Ban lãnh đạo đã sát sao với tình hình kinh doanh của công ty, tối thiểu chi phí bán hàng để cải thiện lợi nhuận cho doanh nghiệp.

TỔ CHỨC VÀ CHÍNH SÁCH NHÂN SỰ

Trong năm 2021, lao động toàn Công ty từ 848 người (31/12/2020) giảm còn 844 người (31/12/2021). Tổng giảm 4 người, trong đó tăng mới 64 người và thực giảm 68 người.

STT	Phân loại	Số lượng cuối kỳ
1	Theo giới tính	
	- Nam	590
	- Nữ	254
2	Theo trình độ	
	- Đại học và trên đại học	162
	- Cao đẳng	198
	- Phổ thông	484

STT	Tiêu chí	Năm 2019	Năm 2020	Năm 2021
1	Số lượng nhân sự	845	848	844



Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án

Hoàn thành việc phê duyệt dự án “Đầu tư mở rộng lớp xe máy không săm tại xí nghiệp luyện Xuân Hòa”, triển khai đầu tư dự án theo đúng quy định của Nhà nước, pháp luật, Công ty về đầu tư xây dựng: Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị, phấn đấu đưa dây chuyền sản xuất lớp không săm vào vận hành cho ra sản phẩm trong năm 2022



Tình hình cổ phiếu



TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH

Các chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2020	Năm 2021
1. Chỉ tiêu thanh toán			
- Hệ số thanh toán ngắn hạn	lần	1.51	0.99
- Hệ số thanh toán nhanh	lần	1.24	0.43
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
- Hệ số nợ/ tổng tài sản	%	69.53	64.98
- Hệ số nợ/ vốn chủ sở hữu	%	228.2	185.57
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
- Vòng quay hàng tồn kho	vòng	5.65	3.26
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	1.22	0.72
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Doanh thu thuần	%	5.45	4.19
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Vốn CSH (ROE)	%	18.16	9.30
- Hệ số lợi nhuận sau thuế / Tổng TS (ROA)	%	6.65	3.03
- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động KS / Doanh thu thuần	%	16.07	18.38

CHỈ TIÊU VỀ CƠ CẤU VỐN

Về chỉ tiêu cơ cấu nguồn vốn, Cao su Sao Vàng vẫn phải phụ thuộc nhiều vào nguồn vốn vay bên ngoài, thể hiện ở chỉ số nợ/vốn chủ sở hữu khá cao, xấp xỉ 2 lần trong 2 năm gần đây. Trong năm 2021 nợ phải trả của doanh nghiệp đã thu hẹp, tuy nhiên lại đến chủ yếu từ việc doanh nghiệp thanh toán một số các khoản phải trả người bán và nợ phải trả khác, trong khi đó vay và nợ thuê tài chính lại tăng 45% so với cùng kỳ, làm chi phí lãi vay của doanh nghiệp tăng theo.

HỆ SỐ NĂNG LỰC HOẠT ĐỘNG

Hệ số vòng quay hàng tồn kho của doanh nghiệp giảm mạnh 42% so với năm 2020, nguyên nhân chủ yếu đến từ doanh thu trong năm 2021 giảm mạnh (khoảng 28% so với cùng kỳ) trong khi đó trung bình hàng tồn kho trong năm chỉ giảm nhẹ so với năm ngoài. Cho thấy năng lực bán hàng của doanh nghiệp trong năm 2021 gặp nhiều khó khăn, tuy nhiên doanh nghiệp cũng đã có những biện pháp để giảm chi phí giá vốn, thể hiện bởi biên lợi nhuận gộp trong năm 2021 có sự cải thiện nhẹ.

HỆ SỐ KHẢ NĂNG SINH LỜI

Yếu tố thị trường và các nguyên nhân khác quan khác không ủng hộ khiến doanh thu của doanh nghiệp chứng kiến sự suy giảm, từ đó kéo theo các hệ số tài chính như ROE, ROA giảm mạnh, khoảng 50% so với cùng kỳ. Trong các năm vừa qua, biên lợi nhuận thuần của doanh nghiệp được duy trì ở mức xấp xỉ 5%, mặc dù vậy, doanh thu giảm và các chi phí tăng cao khiến biên lợi nhuận thuần của doanh nghiệp giảm khoảng 20% xuống mức 4.19%.



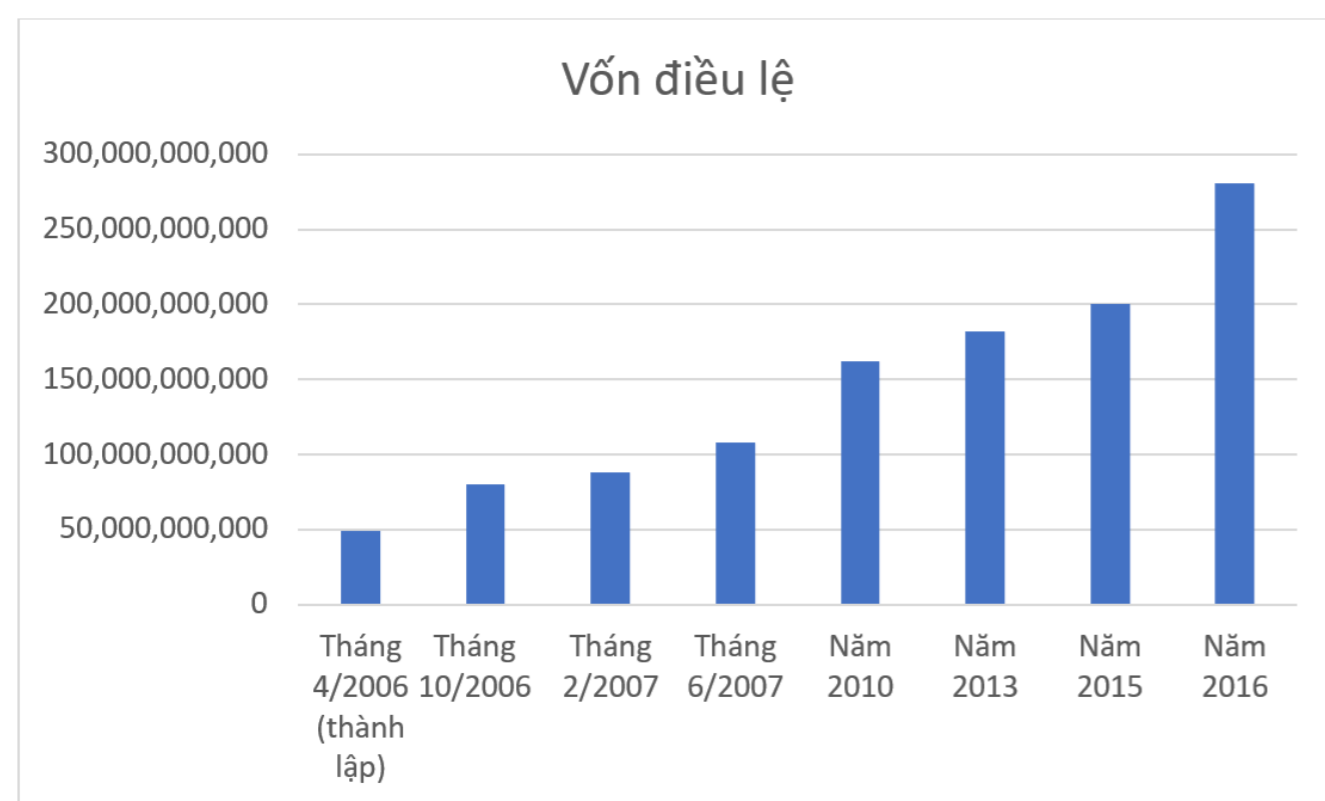
SÂM LỐP XE TẢI NHỎ VÀ BUS NHỎ



SÂM LỐP XE TẢI VÀ XE BUS

CỔ ĐÔNG VÀ VỐN ĐẦU TƯ CỦA CHỦ SỞ HỮU

STT	Đối tượng	Tỷ lệ sở hữu/VĐL (%)	Số lượng cổ đông	Cơ cấu tổ chức	
				Tổ chức	Cá nhân
1	Cổ đông lớn	60,54%	2	2	0
	Trong nước	60,54%	2	2	0
	Nước ngoài	0	0	0	0
2	Cổ phiếu quỹ	0,01%	1	1	0
3	Công đoàn công ty	0,08%	2	2	0
4	Cổ đông khác	39,37%	2596	11	2585
	Trong nước		2580	11	2569
	Nước ngoài		16	0	16
Tổng cộng		100%	2601	16	2585



Thời điểm	Vốn tăng thêm (đồng)	Nguồn tăng	Vốn điều lệ
Tháng 4/2006 (thành lập)			49.048.000.000
Tháng 10/2006	30.952.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 63%	80.000.000.000
Tháng 2/2007	8.000.000.000	Chia 5,48 tỷ đồng cổ tức bằng cổ phiếu (theo mức 12,3% cho 9 tháng hoạt động năm 2006) từ nguồn LNST 2006 - Thưởng 2,52 tỷ đồng bằng cổ phiếu theo tỷ lệ 32:1 cho cổ đông hiện hữu từ nguồn thuế TNDN được miễn năm 2006	88.000.000.000
Tháng 6/2007	20.000.000.000	Phát hành thêm cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu, tỷ lệ 22,72%	108.000.000.000
Năm 2010	54.000.000.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức và thưởng cho cổ đông hiện hữu	162.000.000.000
Năm 2013	20.249.940.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	182.249.940.000
Năm 2015	18.224.210.000	Phát hành cổ phiếu để trả cổ tức	200.474.150.000
Năm 2016	80.183.500.000	Phát hành cổ phiếu để tăng vốn cổ phần từ nguồn vốn chủ sở hữu	280.657.650.000

Chương 4

Báo cáo của Ban điều hành

Báo cáo kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh 2021

Đánh giá thực hiện nhiệm vụ năm 2021

Phương hướng hoạt động sản xuất kinh doanh 2022



I. BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH 2021

Kinh tế - xã hội năm 2021 diễn ra trong bối cảnh dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) tiếp tục gây ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt của các quốc gia trên thế giới. Trong nước, làn sóng dịch bùng phát từ cuối tháng 4/2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống, an toàn của người dân. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm, dịch bệnh cơ bản được kiểm soát, đẩy nhanh ngoại giao và tiến trình tiêm vaccine; điều chỉnh chiến lược phòng chống dịch, ban hành các gói hỗ trợ, tạo điều kiện khôi phục kinh tế - xã hội. Thương mại toàn cầu gặp khủng hoảng nghiêm trọng do việc nhiều chuỗi cung ứng hàng hóa thiết yếu bị đứt đoạn khi đại dịch chưa được kiểm soát. Hệ lụy của nó là việc giá hàng hóa tăng cao trong thời gian dài. Tình hình giá nguyên liệu thế giới và trong nước đã có những biến động hết sức phức tạp, giá dầu thô, giá nguyên vật liệu tăng cao ảnh hưởng tới giá thành sản xuất: vải mành, than đen tăng lần lượt 30% và 60%. Việc di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia và địa phương gặp nhiều cản trở; tình trạng khan hiếm container rỗng đẩy giá thuê tăng 8-10 lần; chuỗi nhân lực lao động cũng bị đứt gãy; Những yếu tố này cộng hưởng làm tăng giá thành sản xuất.

Với những đặc thù riêng, ngành công nghiệp sản xuất sản phẩm cao su nói chung và hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty CP Cao su Sao Vàng còn gặp rất nhiều khó khăn như:

- Sự cạnh tranh khốc liệt các sản phẩm săm lốp nói chung của không chỉ các doanh nghiệp trong nước mà cả các doanh nghiệp nước ngoài tràn ngập thị trường Việt Nam.
- Thị trường săm, lốp ô tô quá khó khăn do lốp nội tăng giá trong khi đó hàng Trung Quốc và đặc biệt là Chengshin, Maxxis không tăng giá dẫn đến tiêu thụ quá khó khăn.
- Xu hướng chuyên đổi lốp ô tô từ bias sang radial trong khi Công ty chưa sản xuất được dòng sản phẩm này.
- Lốp xe máy không săm dần thay thế lốp có săm. Công ty đã sản xuất lốp không săm tuy nhiên chủng loại còn chưa đa dạng, chất lượng có độ ổn định chưa cao.
- Rào cản kỹ thuật làm giảm sản lượng xuất khẩu do Công ty chưa được cấp chứng nhận chất lượng GSO để xuất khẩu sản phẩm sang các nước Trung đông.
- Việc tuyển dụng lao động gặp nhiều khó khăn, có sự chênh lệch lớn giữa lao động tuyển vào và lao động nghỉ việc dẫn đến thiếu hụt lao động tại tất cả các đơn vị trong toàn Công ty.



Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến khả năng cạnh tranh của Công ty trên thị trường, ảnh hưởng đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự chỉ đạo sát sao của Hội đồng quản trị, với sự nỗ lực cố gắng của Ban điều hành và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Nội dung	Đơn vị	Thực hiện năm 2020	Kế hoạch năm 2021	Thực hiện năm 2021	% so với KH 2021	% so với TH 2020
Sản lượng sản xuất						
Lốp xe đạp	Chiếc	3.827.928	5.500.000	4.227.960	76,9	110,4
Săm xe đạp		4.218.994	5.800.000	4.429.186	76,4	104,9
Lốp xe máy		931.356	1.400.000	1.183.669	84,6	127,1
Săm xe máy		5.901.852	7.500.000	5.595.914	74,6	94,8
Lốp ô tô		262.801	377.000	281.058	74,6	106,9
Săm ô tô		214.090	295.000	226.233	76,6	105,6
Yếm ô tô		66.195	119.000	83.679	70,3	126,4
Sản lượng tiêu thụ chủ yếu						
Lốp xe đạp	Chiếc	3.703.568	5.556.298	3.642.982	65,6	98,3
Săm xe đạp		4.105.276	5.692.809	4.041.391	71,0	97,3
Lốp xe máy		1.006.788	1366.135	1.164.850	85,3	115,6
Săm xe máy		5.574.806	7.531.382	5.547.929	73,7	99,5
Lốp ô tô		285.578	349.496	266.625	76,3	93,3
Săm ô tô		215.633	283.004	211.008	74,6	97,8
Yếm ô tô		84.365	211.008	76.846	73,5	91,0
Doanh thu			1349	2200	995	45,22%
Lợi nhuận trước thuế		96	100	52	52%	54,17

II. ĐÁNH GIÁ THỰC HIỆN NHIỆM VỤ NĂM 2021

Công tác quản lý điều hành sản xuất

Các mặt đã làm được

- Tập thể lãnh đạo Công ty, Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đề ra các biện pháp từng bước giải quyết khắc phục các yếu kém tồn tại trong công tác quản trị Công ty như: khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu.
- Tiếp tục tăng cường các biện pháp quản lý nhằm tiết giảm chi phí, tiết kiệm trong hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm hạ giá thành sản phẩm, hợp lý hóa sản xuất. Tổ chức rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu. Đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, quy chế mua sắm vật tư đã ban hành. Chỉ đạo các bộ phận chuyên môn tích cực tìm thêm các nhà cung cấp mới, nhà cung cấp trong nước các vật tư phục vụ sản xuất đảm bảo chất lượng và giá cả cạnh tranh, giảm áp lực nhu cầu ngoại tệ để nhập khẩu.
- Công tác tiêu thụ sản phẩm tiếp tục gặp phải những khó khăn rất lớn, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch, mục tiêu cho từng tháng, từng quý và phần đầu thực hiện. Tiếp tục rà soát, tổ chức lại hệ thống đại lý tiêu thụ sản phẩm trong và ngoài nước. Tổ chức triển khai thực hiện các phương án tiếp cận khách hàng mới nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.
- Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.



Công tác tổ chức nhân sự và lao động tiền lương

- Công ty luôn chú trọng đến công tác xây dựng chính sách phân phối tiền lương, đơn giá tiền lương, đảm bảo ổn định thu nhập và ngày càng được cải thiện tạo tiền đề cho người lao động yên tâm công tác, nâng cao năng suất lao động và đảm bảo chất lượng sản phẩm.
- Công ty đảm bảo thực hiện đầy đủ các chính sách theo qui định đối với người lao động.
- Trong năm 2021 tiến hành thủ tục bổ nhiệm mới 02 phó Giám đốc Chi nhánh; bổ nhiệm lại 11 cán bộ cấp trưởng, phó.
- Đề xuất giải pháp sử dụng, phân công, điều phối lao động trong nội bộ các đơn vị trong công ty để đạt hiệu quả năng suất lao động cao nhất. Tổ chức thực hiện triển khai công tác Bảo hộ lao động, an toàn lao động, vệ sinh môi trường theo đúng các quy định của Nhà nước và Công ty.
- Trong năm 2021, lao động toàn Công ty từ 848 người (31/12/2020) giảm còn 844 người (31/12/2021). Tổng giảm 4 người, trong đó tăng mới 64 người và thực giảm 68 người.
- Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2021 của người lao động là: 10,4 triệu đồng/tháng (tăng 0,53% so với năm 2020). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực.
- Nghiên cứu, đề xuất tham mưu với lãnh đạo Công ty phương án tuyển dụng trên các phương tiện thông tin đại chúng: Các mạng tuyển dụng Vietnamwork; Vieclam24h; website Công ty; trang tuyển dụng riêng trên facebook. Liên hệ trực tiếp đến các đơn vị đào tạo, làm tuyển dụng, đề xuất liên kết với cơ sở giáo dục tổ chức lớp đào tạo cho nhân lực mới để tìm người lao động có trình độ chuyên môn cho Công ty.



Công tác thị trường

Do dịch bệnh căng thẳng tại Miền Nam trong Quý 3 nên đa số các nhà máy sản xuất bị ảnh hưởng nặng nề (dừng sản xuất hoặc giảm 50-70% công suất) do vậy nguồn cung hàng tại Miền Nam ra Bắc bị gián đoạn, các đơn vị nhỏ lẻ không đủ tiềm lực phải dừng sản xuất - đó là thuận lợi khách quan do dịch mà mình được hưởng nên tiêu thụ ngành hàng xe đạp, xe máy rất thuận lợi mặc dù ảnh hưởng dịch, đặc biệt là tại Miền Nam nhiều thời điểm một số mặt hàng sẫm, lốp xe đạp không đủ cấp do nhu cầu tăng đột biến, tuy nhiên từ tháng 10, 11/2021 các đơn vị sản xuất tại Miền Nam dần hồi phục và sản xuất bình thường nên đến hiện tại lợi thế đó đã không còn.

- Hiện tại tình hình tiêu thụ sẫm, lốp xe đạp quá khó khăn, chỉ khả quan mặt hàng sẫm, lốp xe máy vì cơ bản các hoạt động đã trở lại bình thường trên toàn quốc.

- Ngành hàng sẫm, lốp ô tô chịu ảnh hưởng trầm trọng nhất, các hoạt động vận tải đình trệ, các công trình thi công trên toàn quốc tạm dừng hoạt động trong khi đó nguồn cung sản phẩm lốp ô tô từ Trung Quốc về Việt Nam không hề bị ảnh hưởng do bên Trung Quốc thực hiện chiến dịch zero Covid nên các hoạt động sản xuất kinh doanh nội địa tại Trung Quốc diễn ra bình thường trong khi đó nhu cầu tiêu thụ trên toàn thế giới suy giảm dẫn đến nguồn cung sản phẩm lốp ô tô tăng làm cho các nhà sản xuất Trung Quốc giảm giá về các nước đang phát triển trong đó có Việt Nam để giảm lượng tồn nên tình hình tiêu thụ đã khó, ngày càng khó khăn hơn.

- Do chất lượng sản phẩm lốp ô tô SRC ngày càng khó cạnh tranh so với DRC và Maxxis, ngay cả trong thời điểm Maxxis đứt hàng thì việc tiêu thụ lốp ô tô vẫn rất khó khăn, khách hàng vẫn ưu tiên nhập DRC, miễn cưỡng lấy SRC, đây là vấn đề cốt lõi dẫn đến tình hình tiêu thụ lốp ô tô suy giảm.

- Doanh thu tiêu thụ nội địa năm 2021 tăng 0,81% so với năm 2020, số lượng tiêu thụ một số ngành hàng có giảm nhẹ, riêng săm, lốp xe máy tăng cả về số lượng tiêu thụ. Với năm 2021 nhiều biến động, đánh giá kết quả trên là thành công vì trong đại dịch đa số các Công ty suy giảm nghiêm trọng còn SRC vẫn duy trì được doanh số bán hàng tuy nhiên năm 2022 dự đoán sẽ rất khó khăn.

- Một hàng săm lốp xe đạp vẫn giữ vững được tăng trưởng 02 con số, Mở rộng thêm một số thị trường Châu Phi như Togo, Zambezi...

Công tác tài chính

- Thực hiện và kiểm tra việc ghi chép số liệu kế toán đảm bảo tính toán và phản ánh chính xác, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tài sản và các hoạt động kinh tế tài chính tại Công ty và các tổ chức, đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty trên các chứng từ, sổ sách kế toán vào các báo cáo tài chính.

- Làm tốt công tác huy động vốn, sử dụng hợp lý các nguồn vốn như vốn đầu tư của các cổ đông, lựa chọn phương án đầu tư, lựa chọn Ngân hàng có cơ chế và lãi suất hợp lý... đảm bảo nguồn vốn của Công ty luôn được bảo toàn và phát triển.

- Chấp hành nghiêm chỉnh việc tính toán đầy đủ, kịp thời đúng chính sách, chế độ của Nhà nước ban hành về các khoản thuế phải nộp ngân sách. Giải quyết đúng chính sách với người lao động.

- Kiểm tra giám sát việc thu chi tài chính, việc sử dụng tài sản, vật tư, tiền vốn và sự biến động tăng giảm của các loại tài sản, vật tư tiền vốn tại Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc công ty. Phát hiện các vi phạm nguyên tắc quản lý kinh tế tài chính trong Công ty và các đơn vị cơ sở trực thuộc Công ty. Báo cáo và đề xuất với lãnh đạo Công ty cá biện pháp xử lý theo đúng quy định hiện hành.

- Lập báo cáo tài chính toàn Công ty, chịu trách nhiệm về tính chính xác trung thực của báo cáo tài chính, gửi báo cáo tài chính cho các cơ quan chức năng quản lý nhà nước theo quy định của chế độ kế toán do Bộ Tài chính ban hành.

- Cùng với phòng ban nghiệp vụ trong toàn Công ty tham gia tiến hành việc đối chiếu và thu hồi công nợ, phát huy đầy đủ tính tự chủ trong sản xuất kinh doanh và hoạt động tài chính của Công ty.



Công tác khoa học kỹ thuật, chất lượng

Năm 2021, Công ty tiếp tục đẩy mạnh công tác nghiên cứu cải tiến kỹ thuật, tích cực tìm kiếm, khai thác, nghiên cứu, thử nghiệm và áp dụng đưa vào sản xuất các loại vật liệu mới, thay đổi đơn pha chế, hợp lý hóa nguyên vật liệu và kết cấu sản phẩm nhằm nâng cao chất lượng, hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm mang lại hiệu quả kinh tế cho Công ty. Cụ thể:

- Nghiên cứu đơn pha chế lớp công trường tăng khả năng kháng phá vỡ, chịu va đập, tăng chịu mòn, đang chạy lý trình thực tế lớp 14.00-25 36 PR SV 671 tại mỏ đồng Sin Quyền - Lào Cai (lớp đã chạy được 2 tháng) và mỏ Đồng Rì - Bắc Giang (1.5 tháng).

- Khảo sát và điều chỉnh và ban hành định mức nguyên vật liệu cho các sản phẩm cao su, tính toán thi công và định mức làm cơ sở chào giá các sản phẩm săm lốp xuất khẩu và cao su kỹ thuật.

- Nghiên cứu và áp dụng sản xuất thành công săm xe máy butyl từ T7.2021, chất lượng sản phẩm tốt, đạt tương đương với CSM, Inoue. Tính hết năm 2021 đã tiêu thụ 108.818 săm 2 quy cách 2.50-17 và 2.75-17.

- Phối hợp với các đơn vị sản xuất trong công ty xử lý và khắc phục kịp thời các biến động trong sản xuất, giám sát quá trình sản xuất giảm tỷ lệ phế và sản phẩm lỗi ra thị trường.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản và công tác cơ điện

Trong năm 2021, công tác đầu tư xây dựng thực hiện việc giao nhận thiết bị máy móc, lắp đặt, nghiệm thu bàn giao đưa vào sử dụng thiết bị máy móc thuộc các gói thầu đã ký hợp đồng năm 2020. Kết quả thực hiện:

Giá trị thực hiện : 19.475.000.000 đồng

Giá trị giải ngân : 19.475.000.000 đồng

- Hoàn thành việc lập, thẩm tra, thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi (FS) dự án "Đầu tư mở rộng sản xuất lốp xe máy không săm tại Xí nghiệp luyện Xuân Hòa" với sản lượng 50.000 lốp/tháng.

- Công tác quản lý sử dụng vật tư, linh kiện, phụ tùng cơ điện được giám sát chặt chẽ từ việc nhập, xuất cấp phát, đáp ứng cho việc bảo dưỡng sửa chữa thiết bị, chủ động trong việc chuẩn bị các vật tư, phụ tùng dự phòng hợp lý nhằm đảm bảo hiệu quả sử dụng.





Công tác ATLĐ - VSCN - PCCN và công tác môi trường

- Trong năm 2021, công tác ATLĐ- VSCN - PCCN đã được Công ty thực hiện đầy đủ chế độ theo đúng quy định của pháp luật.

+ Thông qua các đợt huấn luyện định kỳ, huấn luyện mới để phổ biến các chế độ chính sách của cơ quan nhà nước về công tác AT-VSLĐ cho người lao động. Chỉ ra cho người lao động các mối nguy hiểm, các nguy cơ tiềm ẩn trong dây chuyền sản xuất và các biện pháp để phòng tránh, nhằm hạn chế tai nạn lao động xảy ra trong quá trình làm việc.

+ Công tác PCCN thường xuyên được kiểm tra đảm bảo quy trình, quy định. Tổ chức huấn luyện nghiệp vụ cho CBCNV công ty nhằm nâng cao tinh thần trách nhiệm cũng như nghiệp vụ thực tập phương án PCCN theo kế hoạch của Cảnh sát PCCC.

+ Xây dựng kế hoạch và tham gia cùng Hội đồng ATVSLĐ của Công ty tiến hành kiểm tra công tác ATVSLĐ tại các đơn vị trong Công ty định kỳ 3 tháng/lần để đánh giá tình hình thực hiện các mặt của công tác ATVSLĐ, phát hiện những tồn tại, đề xuất các biện pháp khắc phục. Trong năm 2021 có tổ chức được 6 cuộc kiểm tra tại 3 mặt bằng của Công ty tại Hà Nội, Xuân Hòa và Thái Bình.

III. KẾ HOẠCH SẢN XUẤT KINH DOANH 2022

Các chỉ tiêu chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022	% so với thực hiện năm 2021	
I. Giá trị sản xuất CN (Theo giá CĐ 1994)		380	108,7	
II. Giá trị sản xuất CN (theo giá thực tế)		1015,2	107,2	
III. Doanh thu tiêu thụ (Bao gồm doanh thu thương mại)		2000	209,2	
Doanh thu SXCN	Tỷ đồng	970	114,05	
Doanh thu thương mại, doanh thu khác		1030	979,09	
IV. Lợi nhuận trước thuế		100	190,8	
Chỉ tiêu	ĐVT	Kế hoạch 2022 Tập đoàn giao	% so với thực hiện năm 2021	
			SX	TT
V. Sản phẩm sản xuất chủ yếu				
1. Lớp xe đạp		3.900.000	76,9	107
2. Săm xe đạp		4.400.000	76,4	108,8
3. Lớp xe máy		1.500.000	84,6	128,7
4. Săm xe máy	chiếc	6.400.000	74,6	115,3
5. Lớp ô tô		277.000	74,6	103,8
6. Săm ô tô		250.000	76,7	118,4
7. Yếm ô tô		120.000	70,3	156,1

Tình hình sản xuất kinh doanh hiện tại và những khó khăn trong thời gian tới

Dự báo năm 2022 nền kinh tế tiếp tục có chiều hướng tích cực, tuy nhiên vẫn tiềm ẩn nhiều bất ổn. Kinh tế trong nước vẫn chịu nhiều tác động đến tốc độ tăng trưởng. Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty tiếp tục gặp những khó khăn, thách thức như sau:

- Giá nguyên vật liệu đầu vào bao gồm cao su thiên nhiên, vải màn, than đen và các loại nguyên vật liệu khác tiếp tục xu hướng tăng cao và duy trì ở mức giá cao so với năm 2021. Chi phí sản xuất tăng trong khi giá bán chưa thể tăng lên tương ứng.
- Tiêu thụ sản phẩm chịu sự cạnh tranh rất quyết liệt, đặc biệt là sự cạnh tranh về giá của các nhà sản xuất trong nước Casumina, DRC và nước ngoài, lốp ô tô radial cỡ lớn và cả cỡ nhỏ nhập khẩu từ Trung Quốc, Thái Lan có giá rất rẻ, các hãng sản xuất trong nước liên tục giảm giá để cạnh tranh. Trên thị trường, sức cạnh tranh sản phẩm của Công ty còn yếu. Công ty chưa có sản phẩm lốp Radial và sản phẩm mới để thay thế được sự suy giảm sản lượng lốp xe tải nhẹ.
- Nền kinh tế thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng đang chịu nhiều tác động phức tạp và khó lường từ việc cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn.

Một số giải pháp chủ yếu

Công tác quản trị doanh nghiệp

Thực hiện nghiêm Nghị quyết của HĐQT trong việc điều hành, chỉ đạo sản xuất kinh doanh của Công ty nhằm đạt hiệu quả kinh tế - xã hội cao nhất.

- Chỉ đạo phối hợp tốt giữa các đơn vị trong Công ty đẩy nhanh việc nghiên cứu và triển khai sản xuất thêm các sản phẩm mới, sản phẩm cải tiến nhằm đa dạng hóa sản phẩm, đáp ứng các yêu cầu của thị trường trong nước và xuất khẩu, tăng doanh thu bán hàng.
- Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh.

- Tập trung đảm bảo ổn định và nâng cao chất lượng sản phẩm trong quản lý điều hành tại các đơn vị trong Công ty, khắc phục những tồn tại về mặt chất lượng sản phẩm đã được khách hàng phản ánh nhằm nâng cao uy tín thương hiệu Công ty và nâng cao tính cạnh tranh của sản phẩm.

- Tăng cường quản lý, giám sát đối với các đơn vị trong việc thực hiện các quy định về quản lý lao động, quản lý định mức vật tư, nguyên liệu, năng lượng, tích cực tìm kiếm và triển khai thực hiện các giải pháp nhằm giảm chi phí, hạ giá thành sản phẩm. Phấn đấu đạt chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận ở mức cao nhất.

- Quan tâm phát triển nguồn nhân lực, xây dựng và thực hiện kế hoạch đào tạo và đào tạo lại nhằm nâng cao năng lực chuyên môn nghiệp vụ đảm bảo nguồn lực thực hiện tốt nhiệm vụ sản xuất kinh doanh của Công ty.

Công tác bán hàng

- Tăng cường công tác quảng bá thương hiệu, xây dựng chính sách bán hàng phù hợp đối với từng ngành hàng, từng khu vực thị trường nhằm duy trì và phát triển tiêu thụ những sản phẩm đang có thế mạnh tại thị trường nội địa, phấn đấu đạt và vượt kế hoạch doanh thu đã đề ra theo từng tháng, quý và cả năm.
- Tiếp tục hoàn thiện hệ thống phân phối sản phẩm trên toàn quốc. Tái cơ cấu hệ thống phân phối tại một số tỉnh miền Bắc và miền Nam.
- Kiện toàn, nâng cao trình độ nghiệp vụ cho đội ngũ bán hàng nhằm nâng cao khả năng hoạt động và hiệu quả công việc.
- Tập trung phát triển tiêu thụ lốp xe điện các loại vì đây là thị trường có thể tiêu thụ nếu có giá tốt và yêu cầu chất lượng không quá cao.
- Tiếp tục mở đại lý lốp ô tô tại các khu vực Nghệ An, Hà Tĩnh, Tuyên Quang, Lào Cai, Lạng Sơn, Quảng Ninh, Ninh Bình, Thanh Hóa, Thái Bình, Hải phòng, Bình Thuận, Bình Dương.
- Mở mới hoặc thay thế đại lý xe đạp xe máy tại Đồng Nai, Vũng Tàu, Ninh Thuận, Vĩnh Long, Hậu Giang, Đồng Tháp, An Giang, TP. Hồ Chí Minh.
- Tiếp tục đầu tư đẩy mạnh công tác xuất khẩu, đồng thời phải tăng cường công tác dịch vụ sau bán hàng, giữ vững thị phần ở các thị trường cũ và khai thác thêm thị trường mới.
- Kết hợp với phòng tài chính xây dựng giá bán cạnh tranh cho từng thị trường.

Công tác lao động tiền lương

- Hoàn thiện quy trình bổ nhiệm lại chức vụ Tổng Giám đốc, bổ nhiệm mới chức vụ Kế toán trưởng; quy hoạch cán bộ giai đoạn 2021 - 2026.
- Thường xuyên rà soát và hoàn thiện công tác định biên, định mức lao động, tiền lương. Từ đó xây dựng mới hoặc điều chỉnh cho phù hợp chi phí tiền lương đối với từng đơn vị, từng sản phẩm trong Công ty.

- Xây dựng kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực năm 2022 đạt hiệu quả cao nhất. Kết hợp với các đơn vị tìm giải pháp ngăn chặn việc sụt giảm lao động.
- Thực hiện tốt hơn nữa công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Công tác tài chính

- Phát huy chức năng, nhiệm vụ của công tác Tài chính và Luật kế toán trong kiểm soát nội bộ, kiểm soát các chi phí hoạt động của Công ty nhằm nhận diện và đề xuất những biện pháp phòng ngừa rủi ro, chống lãng phí, đảm bảo chi phí hợp lý, hợp lệ nhằm hạ giá thành sản phẩm, tăng tính cạnh tranh của sản phẩm SRC.
- Kiểm soát chặt chẽ thu chi, công nợ, thanh toán phối hợp với phòng TTBH hạn chế tối đa phát sinh nợ khó đòi trong công nợ của khách hàng.
- Chuẩn bị Báo cáo tài chính năm, Tờ trình phân phối lợi nhuận năm 2021 và các báo cáo khác trình Đại hội đồng cổ đông.
- Tư vấn, tham mưu cho lãnh đạo Công ty các biện pháp quản lý tài chính, tiết giảm chi phí, giá thành sản phẩm.



Công tác điện, năng lượng

- Rà soát, hoàn thiện Quy chế hoạt động Cơ điện, thực hiện tốt công tác quản lý sử dụng thiết bị, định mức chế tạo sửa chữa máy móc thiết bị, phụ tùng.

- Thực hiện tốt công tác quản lý thiết bị, bảo trì, bảo dưỡng thường xuyên, đảm bảo phục vụ sản xuất tốt. Theo dõi tình trạng thiết bị, kịp thời sửa chữa thiết bị đáp ứng nhu cầu sản xuất.

- Đánh giá nhận diện khắc phục ngay các điểm gây lãng phí năng lượng (điện, hơi nóng, khí nén), đặt mục tiêu giảm chi phí tiêu hao năng lượng năm sau so với năm trước khoảng 2%.

Công tác khoa học kỹ thuật và đảm bảo chất lượng

- Nghiên cứu cải thiện chất lượng lớp ô tô với các nội dung chính: Cải thiện khả năng chịu mòn của lớp, cải thiện hiện tượng nứt rãnh hoa đối với lớp hoa dọc, nâng cao chất lượng ngoại quan, giảm tỷ lệ sửa chữa lốp.

- Duy trì hệ thống quản lý chất lượng theo ISO 9001:2015. Nghiên cứu hợp lý và tối ưu hoá các đơn pha chế nhằm hợp lý hoá chi phí nguyên vật liệu, tiết giảm chi phí.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản

- Hoàn thành việc phê duyệt dự án "Đầu tư mở rộng lớp xe máy không sấm tại xí nghiệp luyện Xuân Hòa", triển khai đầu tư dự án theo đúng quy định của Nhà nước, pháp luật, Công ty về đầu tư xây dựng; Lập kế hoạch lựa chọn nhà thầu tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị. Tổ chức lựa chọn nhà thầu thực hiện các gói thầu tư vấn, xây lắp, cung cấp thiết bị, phấn đấu đưa dây chuyền sản xuất lớp không sấm vào vận hành cho ra sản phẩm trong năm 2022.

- Hoàn thành việc lập Báo cáo kinh tế kỹ thuật, kế hoạch lựa chọn nhà thầu, tổ chức lựa chọn nhà thầu mua sắm các thiết bị lẻ năm 2022 kịp thời phục vụ sản xuất tại Hà Nội, Thái Bình, Xuân Hòa.

- Nghiên cứu và triển khai các bước chuẩn bị Dự án xây dựng nhà máy mới và di dời sản xuất từ nhà máy cũ về địa điểm mới.

Công tác khác

- Phối hợp với các tổ chức đoàn thể như Công đoàn, Đoàn thanh niên xây dựng các chương trình hành động cụ thể, thiết thực, phát động các phong trào thi đua lao động sản xuất, phong trào lao động sáng tạo, tập hợp ý tưởng, cải tiến hợp lý hóa, áp dụng khoa học tiên tiến hiện đại vào sản xuất, thực hành tiết kiệm, giảm chi phí nhằm hạ giá thành, tăng sức cạnh tranh của sản phẩm và động viên CBCNV tích cực lao động sản xuất hoàn thành nhiệm vụ năm 2022.

- Thực hiện tốt công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ. Khen thưởng động viên kịp thời các bộ phận, cá nhân có thành tích cao trong lao động sản xuất, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh.

- Tiếp tục đầu tư cải thiện môi trường làm việc, chăm lo sức khỏe cho người lao động. Xây dựng và thực hiện hệ thống quản lý môi trường ISO 14001 phiên bản 2015, xây dựng môi trường lao động sản xuất thực sự xanh - sạch - đẹp, văn minh hiện đại.

Với truyền thống Sao Vàng, bằng nỗ lực phấn đấu của tất cả CBCNV, chúng ta tin tưởng trong thời gian tới, Công ty sẽ đoàn kết vượt qua khó khăn, hoàn thành kế hoạch SXKD năm 2022, đảm bảo việc làm, thu nhập ổn định cho người lao động, tạo tiền đề cho Công ty phát triển bền vững trong những năm tiếp theo.

Chương 5**Báo cáo của Ban kiểm soát**

- Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021
- Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2021
- Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị
- Kế hoạch, nhiệm vụ của BKS năm 2022



Hoạt động của Ban Kiểm soát năm 2021

Ban kiểm soát Công ty CP Cao su Sao vàng nhiệm kỳ 2021-2026 được Đại hội đồng cổ đông năm 2021 bầu ngày 26/04/2021, gồm 03 thành viên:

1. Ông Trần Minh Tuấn
2. Bà Vũ Thị Mai Nhung
3. Ông Hoàng Văn Hòa

Tại phiên họp thứ nhất Ban kiểm soát đã bầu Ông Trần Minh Tuấn làm Trưởng ban kiểm soát Công ty nhiệm kỳ 2021-2026.

Trong năm 2021, BKS đã họp định kỳ để triển khai các công việc. Kiểm tra, kiểm soát thường xuyên các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty thực hiện kế hoạch năm 2021 đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt. Tham dự các cuộc họp của HĐQT, Ban điều hành Công ty và đưa ý kiến của Ban Kiểm soát về các chủ trương, kế hoạch, thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, tài chính, công bố các thông tin theo quy định, cụ thể:

- Giám sát thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông 2021 của Hội đồng quản trị và Ban điều hành.
 - Kiểm soát việc ban hành và thực hiện các quy chế, quy định;
 - Kiểm soát việc thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh, kế hoạch đầu tư xây dựng cơ bản năm 2021;
 - Kiểm soát thực hiện việc thoái vốn của Công ty tại Công ty CP Philip Carbon Black và Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn theo đúng các quy định của pháp luật;
 - Kiểm soát công tác tài chính kế toán, thẩm định Báo cáo tài chính quý, năm;
 - Kiểm soát việc phân phối lợi nhuận năm 2020 và xây dựng kế hoạch phân phối lợi nhuận năm 2021;
 - Giám sát việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi cho các cổ đông.
- Căn cứ vào kế hoạch hoạt động và phân công nhiệm vụ của từng thành viên Ban kiểm soát, các thành viên Ban kiểm soát đã cố gắng thực hiện một cách tốt nhất công việc mình được phân công.

Tình hình kiểm tra giám sát các mặt hoạt động của Công ty năm 2021

Kiểm soát công tác tài chính kế toán, Báo cáo tài chính năm:

a. Tổ chức công tác kế toán:

- Công ty thực hiện lập và gửi Báo cáo tài chính định kỳ theo quy định của Nhà nước;
- Chính sách kế toán áp dụng tại Công ty phù hợp với các quy định của chế độ kế toán doanh nghiệp, Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các văn bản hiện hành của Nhà nước;
- Sổ sách kế toán, thống kê đầy đủ, rõ ràng, lưu trữ đúng quy định của chế độ kế toán thống kê. Định kỳ, Công ty thực hiện kiểm kê tiền mặt, hàng hóa, vật tư, thành phẩm tồn kho, đối chiếu công nợ (phải thu, phải trả) đầy đủ theo quy định, thực hiện đầy đủ nghĩa vụ với NSNN.

b. Báo cáo Tài chính năm 2021:

- BCTC năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Deloitte Việt Nam.
- Qua thẩm tra báo cáo, thảo luận trực tiếp với kiểm toán viên và xem xét các tài liệu liên quan, BKS nhận thấy: Báo cáo tài chính của Công ty đã được kiểm toán phần

ánh trung thực và hợp lý về tình hình tài sản, nguồn vốn trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31/12/2021, kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ năm 2021, phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan.

- BKS nhất trí với các số liệu cũng như báo cáo của kiểm toán viên đã nêu trong Báo cáo tài chính năm 2021, số liệu chi tiết do đại diện của Ban điều hành báo cáo tại Đại hội.

Đầu tư tài chính và góp vốn vào doanh nghiệp khác:

- Công ty đã thực hiện góp vốn liên doanh, liên kết thành lập Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàng Sơn để đầu tư xây dựng nhà máy sản xuất săm lốp Cao Su Sao Vàng tại Hà Tĩnh, với vốn điều lệ ban đầu là 500 tỷ đồng, đã được Sở KHĐT tỉnh Hà Tĩnh cấp giấy phép đầu tư số 3002153776 ngày 05 tháng 03 năm 2020. Theo Nghị quyết HĐQT số 139B/NQ-HĐQT ngày 02/11/2021, Công ty đã thực hiện việc tăng vốn góp tại Công ty Cổ phần Sao Vàng Hoàng Sơn, tăng vốn điều lệ từ 500 tỷ đồng lên 750 tỷ đồng, đến thời điểm ngày 31/12/2021 Công ty CP Cao Su Sao Vàng đã góp 50% vốn tương đương 375.000.000.000 đồng, Công ty vẫn đang trong quá trình khảo sát lập dự án đầu tư trình UBND tỉnh Hà Tĩnh phê duyệt.
- Vốn điều lệ Công ty TNHH Sao Vàng Hoàng Sơn tính đến thời điểm ngày 31/12/2021 là 500 tỷ đồng, Công ty CP Cao Su Sao Vàng góp 26% tương đương 130.000.000.000 đồng, Công ty đang tiếp tục kế hoạch, lộ trình thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư. Tại thời điểm ngày 31/12/2021 Công ty đã trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên số tiền là: 905.693.512 đồng.
- Vốn góp tại Công ty CP Philip Carbon Black Việt Nam là: 8.444.062.358 đồng, ngoài ra Công ty đã ứng trước tiền góp vốn với số tiền: 2.966.978.675 đồng. Tính tới thời điểm ngày 31/12/2021 Công ty đã thực hiện trích lập dự phòng tổn thất cho khoản đầu tư góp vốn trên với số tiền: 2.765.308.254 đồng, Công ty vẫn đang thực hiện các công việc để thoái vốn toàn bộ khoản đầu tư này.

Công tác đầu tư xây dựng cơ bản:

- Công tác đầu tư xây dựng cơ bản trong năm 2021 chủ yếu là thực hiện các hạng mục đầu tư mua sắm một số máy móc thiết bị lẻ, thực hiện theo Nghị quyết và quyết định của Hội đồng quản trị, đảm bảo theo đúng các quy định của Pháp luật.

Đối với Dự án di dời và sản xuất lốp Radial:

- Công ty đã ký hợp đồng thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, khu Công nghiệp Châu sơn, TP Phủ Lý, Tỉnh Hà Nam với thời hạn thuê là 40 năm, theo nghị quyết số 138/NQ-HĐQT ngày 01 tháng 11 năm 2021 của HĐQT, Công ty chấm dứt dự án đầu tư Nhà máy Cao su Sao vàng tại Hà Nam và tìm kiếm nhà đầu tư để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng trên cơ sở thẩm định giá và bảo toàn vốn.

Kiểm soát các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị năm 2021

- Thể thức cuộc họp, nội dung, biên bản cuộc họp: Các Nghị quyết, quyết định và văn bản của Hội đồng quản trị phù hợp với Luật doanh nghiệp, Điều lệ của Công ty.
- Các Nghị quyết và Quyết định của Hội đồng quản trị đã thể hiện mục tiêu của Đại hội đồng cổ đông năm 2021, chỉ đạo về sản xuất kinh doanh để hoàn thành kế hoạch

đề ra.

- Phân phối lợi nhuận, chi trả cổ tức năm 2020 đã thực hiện theo đúng Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông năm 2021.

- Việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.

Ban kiểm soát nhất trí với nội dung đánh giá kết quả thực hiện năm 2021 như báo cáo của Hội đồng quản trị.

Kiểm soát các nội dung hoạt động của Ban điều hành

BKS không nhận được các đơn thư kiến nghị hay đề xuất của cổ đông về việc đề nghị kiểm tra, xác minh các vấn đề liên quan đến hoạt động quản lý điều hành của Ban Tổng Giám đốc công ty.

Ban Tổng giám đốc đã tổ chức thực hiện việc điều hành công ty một cách thống nhất, tập trung, đúng theo chức năng nhiệm vụ và quyền hạn được quy định trong Điều lệ.

Thực hiện các nhiệm vụ sản xuất kinh doanh trong năm 2021: Các chỉ tiêu cụ thể, đánh giá và nguyên nhân đã được nêu tại Báo cáo của Ban điều hành, Ban kiểm soát nhất trí với nội dung báo cáo của Ban điều hành.

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch 2021	Thực hiện 2021	TH/KH 2021
1. Giá trị SXCN				
- Theo giá cố định	tỷ đồng	460	349,4	75,9%
- Theo giá thực tế	tỷ đồng	1285,6	946,3	75,2%
2. Doanh thu	tỷ đồng	2200	955,7	43,4%
- SXCN	tỷ đồng	1200	850,5	70,9%
- Thương mại	tỷ đồng	1000	105,2	10,5%
3. Lợi nhuận trước thuế	tỷ đồng	100	52,4	52,4%

Các nội dung khác như chi phí đầu vào, các hợp đồng mua bán vật tư, hàng hóa, các hợp đồng tiêu thụ sản phẩm Ban Kiểm soát thực hiện việc kiểm tra theo hình thức chọn mẫu ngẫu nhiên. Qua xem xét Ban Kiểm soát thấy Công ty đã tuân thủ quy định của nhà nước và quy chế của Công ty.

Các quy chế và quy định của Công ty phù hợp với hình thức hoạt động của Công ty cổ phần đã được triển khai và hoạt động.

Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Ban Điều hành:

Với tinh thần trách nhiệm, xây dựng và hợp tác trong quá trình hoạt động, BKS luôn phối hợp, trao đổi và đóng góp ý kiến thẳng thắn với Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong các cuộc họp. Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị, Ban Điều

hành phù hợp với mục tiêu của Hội đồng quản trị và các chính sách Pháp luật quy định.

Ý kiến của các cổ đông

BKS không nhận được ý kiến, đơn thư nào của các cổ đông về hoạt động của Công ty năm 2021.

Ban Kiểm soát nhận xét và kiến nghị

Trong năm 2021, Ban kiểm soát được cung cấp đầy đủ các thông tin, tài liệu về tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty. Trong quá trình làm việc Ban kiểm soát chưa phát hiện có sai phạm nào của Hội đồng quản trị, Ban điều hành làm ảnh hưởng đến quyền lợi của Công ty và của Cổ đông.

Ban Kiểm soát kiến nghị Hội đồng quản trị, Ban điều hành:

1. Tiếp tục rà soát sửa đổi hoàn thiện các quy chế, quy định để phù hợp với hoạt động của Công ty trên cơ sở các quy định của pháp luật hiện hành;
2. Nghiên cứu cải tiến công nghệ hạ giá thành sản phẩm, đa dạng hóa sản phẩm để nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh;
3. Cổ giải pháp tích cực, nhằm thu hồi các khoản công nợ phải thu khó đòi để đảm bảo việc sử dụng vốn có hiệu quả. Tăng cường quản lý chặt chẽ công tác theo dõi và quản lý công nợ phải thu khách hàng.

Kế hoạch, nhiệm vụ của BKS năm 2022

1. Giám sát việc tuân thủ các quy định của Pháp luật và Điều lệ của Công ty trong việc quản trị, điều hành;
 2. Định kỳ kiểm tra sổ sách, chứng từ kế toán và các tài liệu khác của Công ty. Kiểm tra, kiểm soát theo chuyên đề ;
 3. Thẩm định báo cáo tài chính, báo cáo Đại hội đồng cổ đông về kết quả thẩm định báo cáo tài chính;
 4. Kiểm tra việc công bố thông tin được thực hiện theo đúng quy định của pháp luật, minh bạch, đảm bảo quyền lợi của các cổ đông.
 5. Thực hiện công tác khác theo chức năng nhiệm vụ của BKS quy định tại Điều lệ công ty, theo yêu cầu của HĐQT và Ban Điều hành.
- Trên đây là Báo cáo hoạt động năm 2021 Ban Kiểm soát trình Đại hội đồng cổ đông xem xét và thông qua.

Chương 6

Báo cáo của Hội đồng Quản trị

Quản trị công ty

Đánh giá của HĐQT về mọi mặt hoạt động của công ty trong năm 2021

Hoạt động của HĐQT năm 2021

Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban điều hành

Mức cổ tức năm 2021

Kế hoạch, định hướng của HĐQT trong năm 2022

Từ khi tham gia thị trường chứng khoán đến nay, Công ty luôn chủ động nắm bắt các quy định pháp luật có liên quan và cập nhật kịp thời như:

- Tuân thủ đầy đủ các nghĩa vụ về Công bố thông tin
- Định kỳ tổ chức Đại hội đồng cổ đông
- Xây dựng điều lệ, Quy chế quản trị bám sát theo Luật Doanh Nghiệp 2020 và Nghị định 155 của chính phủ.

Những việc trên một mặt nâng cao hiệu quả quản lý, mặt khác thúc đẩy sự công bằng, minh bạch trong quá trình xử lý sự cố và những sai sót phát sinh. Qua đó giúp ổn định và nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh cho Công ty.

QUẢN TRỊ CÔNG TY

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày miễn nhiệm	Số CP sở hữu (CP phổ thông)	Tỷ lệ sở hữu
1	Ông Phạm Hoàn Sơn	Chủ tịch HĐQT			0%
2	Ông Nguyễn Việt Hùng	TV HĐQT			0%
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	TV HĐQT			0%
4	Ông Nguyễn Đình Sơn	TV HĐQT			0%
5	Ông Lương Xuân Hoàng	TV HĐQT			0%
6	Ông Nguyễn Văn Thành	TV HĐQT	26/04/2021		
7	Ông Nguyễn Văn Hùng	TV HĐQT	26/04/2021		

Tình hình hoạt động của Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Số buổi họp tham dự	Tỷ lệ	Lý do không tham dự
1	Ông Phạm Hoàn Sơn	7/7	100%	
2	Ông Nguyễn Việt Hùng	7/7	100%	
3	Ông Nguyễn Thanh Tùng	7/7	100%	
4	Ông Nguyễn Đình Sơn	5/5	100%	
5	Ông Lương Xuân Hoàng	5/5	100%	
6	Ông Nguyễn Văn Thành	2/2	100%	
7	Ông Nguyễn Văn Hùng	2/2	100%	

NGHỊ QUYẾT CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

STT	Số Nghị quyết/Quyết định	Thời gian	Nội dung	Tỷ lệ thông qua (%)
1	09/NQ-HĐQT	01/03/2021	- Thống nhất thời gian và nội dung tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2021	100
2	10/QĐ-HĐQT	01/03/2021	- Thanh lý và nhượng bán công cụ và tài sản không còn nhu cầu sử dụng	100
3	23/QĐ-HĐQT	30/03/2021	- Ban hành Quy chế bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, điều động, từ chức, miễn nhiệm cán bộ lãnh đạo	100
4	78/NQ-HĐQT	26/04/2021	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	100
5	79/QĐ-HĐQT	26/04/2021	Bầu chủ tịch HĐQT nhiệm kỳ 2021-2026	100
6	90/NQ-HĐQT	24/05/2021	- Lựa chọn Công ty TNHH Deloitte Việt Nam làm kiểm toán độc lập - Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty: Quy chế khoa học và công nghệ Công ty	100
7	91/QĐ-HĐQT	24/05/2021	- Ban hành Quy chế chi tiêu nội bộ Công ty	100
8	92/QĐ-HĐQT	24/05/2021	- Ban hành Quy chế khoa học và công nghệ	100
9	93/QĐ-HĐQT	24/05/2021	- Thành lập Hội đồng quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ	100
10	94/QĐ-HĐQT	24/05/2021	- Thành lập Hội đồng quản lý quỹ phát triển khoa học và công nghệ	100
11	95/QĐ-HĐQT	15/06/2021	- Thành lập Hội đồng phát triển khoa học và công nghệ	100
12	99/QĐ-HĐQT	15/06/2021	- Phê duyệt kết quả chỉ định thầu: Mua 01 máy nén khí 75 (13 bar)	100
13	100/QĐ-HĐQT	16/06/2021	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Đầu tư 01 máy cắt vải	100
14	101/QĐ-HĐQT	16/06/2021	- Phê duyệt điều chỉnh kế hoạch lựa chọn nhà thầu: Đầu tư 05 máy thành hình Lốp xe đạp	100
15	110/QĐ-HĐQT	01/08/2021	- Ban hành Quy chế Đào tạo	100
16	116/NQ-HĐQT	22/09/2021	- Trả cổ tức 2020 bằng tiền mặt tỷ lệ 10%	100
17	119A/QĐ-HĐQT	28/09/2021	- Phê duyệt BCKTKT "Đầu tư 04 máy ép suất tanh phi 65"	100

18	119B/QĐ-HĐQT	28/09/2021	- Phê duyệt BCKTKT "Đầu tư 02 giàn máy lưu hóa thủy lực sấm xe đạp, xe máy 2 tầng"	100
19	124/NQ-HĐQT	04/10/2021	- Thông quy chủ trương bổ nhiệm Kế toán trưởng Công ty	100
20	127/QĐ-HĐQT	15/10/2021	- Phê duyệt KHLCNT "Đầu tư 04 máy ép suất tanh phi 65"	100
21	128/QĐ-HĐQT	15/10/2021	- Phê duyệt kết quả chỉ định thầu "mua 01 máy thí nghiệm độ nhớt Mooney"	100
22	129/QĐ-HĐQT	15/10/2021	- Phê duyệt KHLCNT "Đầu tư 02 giàn máy lưu hóa thủy lực sấm xe đạp, xe máy 2 tầng"	100
23	130/QĐ-HĐQT	15/10/2021	- Phê duyệt HS mời thầu qua mạng "Mua 02 máy nén khí 75"	100
24	134/QĐ-HĐQT	29/10/2021	- Thành lập Ban kiểm toán nội bộ trực thuộc HĐQT	100
25	136/QĐ-HĐQT	29/10/2021	- Ban hành Quy chế kiểm toán nội bộ	100
26	137/QĐ-HĐQT	01/11/2021	- Ban hành KH kiểm toán nội bộ 2021	100

THÙ LAO CỦA HĐQT, BKS VÀ BGD VÀ THƯ KÝ CÔNG TY

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đồng/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Chủ tịch HĐQT	1	5.000.000	12	60.000.000
Thành viên HĐQT	4	4.000.000	12	192.000.000
Thành viên BKS	2	2.500.000	12	60.000.000
Cộng				312.000.000

Thù lao của Thư ký Công ty như sau

Đối tượng	Số người	Số tiền thù lao (đồng/tháng)	Số tháng hưởng thù lao	Thành tiền
Thư ký	1	3.000.000	12	36.000.000

Giao dịch cổ phiếu của NNB và NLQ đến NNB: Không có

Giao dịch, hợp đồng của công ty với người có liên quan

ĐÁNH GIÁ CỦA HĐQT VỀ MỌI MẶT HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY NĂM 2021

Năm 2021 Kinh tế nước ta đối mặt với nhiều diễn biến bất lợi, đặc biệt là dịch viêm đường hô hấp cấp do chủng mới của vi rút Corona (Covid-19) tiếp tục bùng phát lan rộng và khó lường trên phạm vi toàn cầu đã ảnh hưởng nghiêm trọng đến mọi mặt kinh tế - xã hội của các quốc gia trên thế giới làm tăng trưởng ở hầu hết các ngành, lĩnh vực chậm lại. Từ tháng 4-2021 với biến chủng mới có tốc độ lây lan nhanh chóng, nguy hiểm diễn biến phức tạp tại nhiều địa phương của nước ta, ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của người dân. Kinh tế Việt Nam trong đó có Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã phải chịu ảnh hưởng lớn. Hệ lụy của nó là việc giá hàng hóa tăng cao trong thời gian dài. Tình hình giá nguyên liệu thế giới và trong nước đã có những biến động hết sức phức tạp, giá dầu thô, giá nguyên vật liệu tăng cao ảnh hưởng tới giá thành sản xuất: vải màn tăng 30%, than đen tăng 60%. Việc di chuyển hàng hóa giữa các quốc gia và địa phương gặp nhiều cản trở; tình trạng khan hiếm container rỗng đẩy giá thuê tăng 8-10 lần; chuỗi nhân lực lao động cũng bị đứt gãy. Những yếu tố này cộng hưởng làm tăng giá thành sản xuất, sự cạnh tranh của thị trường ngày càng khốc liệt. Những khó khăn trên đã ảnh hưởng lớn đến việc tăng doanh thu và sản lượng tiêu thụ, tuy nhiên với sự nỗ lực cố gắng của Ban lãnh đạo và toàn thể CBCNV trong Công ty trong năm qua đã đạt được một số kết quả rất tích cực thể hiện qua các mặt sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Nghị quyết ĐHCĐ năm 2021	Thực hiện	So sánh
Giá trị sản xuất CN	Tỷ đồng			
Theo giá cố định 1994		460	349,4	75,9 %
Theo giá thực tế		1258,6	946,3	75,2 %
Doanh thu	Tỷ đồng	2200	955,7	43,4 %
Doanh thu SXCN		1200	850,5	70,9 %
Doanh thu thương mại		1000	105,2	10,5 %
Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	52,4	52,4 %

NHẬN XÉT CỦA HĐQT VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY TRONG NĂM 2021

Chỉ tiêu sản xuất công nghiệp theo giá thực tế năm 2021 đạt 75,2% kế hoạch đề ra. Nguyên nhân cơ bản dẫn đến sự sụt giảm của chỉ tiêu này do sự thiếu hụt lao động, dịch bệnh làm ảnh hưởng đến sản lượng sản xuất của toàn Công ty.

Tuy giá trị doanh thu Sản xuất công nghiệp chỉ 850,5 tỷ đạt 70,9 %, nhưng đó là cả sự nỗ lực điều hành và bám sát thị trường của HĐQT và Ban lãnh đạo công ty, kịp thời có những chính sách giá bán phù hợp với từng giai đoạn giữa bối cảnh rất khó khăn của thị trường trong dịch bệnh.

Lợi nhuận trước thuế đạt 52,4 tỷ đạt 52,4 % so với kế hoạch, nguyên nhân chính do biến động của giá nguyên vật liệu tăng cao, sức tiêu thụ sản phẩm giảm, chi phí vận chuyển tăng ...

HOẠT ĐỘNG CỦA HĐQT NĂM 2021

Căn cứ vào các quy định của pháp luật và Điều lệ Công ty, HĐQT đã thực hiện đúng chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn đối với các hoạt động giám sát, chỉ đạo và đưa ra các nghị quyết, quyết định.

Trong năm 2021, HĐQT đã tổ chức họp 7 phiên và nhiều lần lấy ý kiến thành viên HĐQT. Căn cứ vào kết quả các cuộc họp và lấy ý kiến bằng văn bản, thay mặt HĐQT, chủ tịch HĐQT đã ký ban hành các Nghị quyết và Quyết định liên quan đến công tác điều hành sản xuất kinh doanh, quyết định phê duyệt, quyết định khác... Các Nghị quyết, Quyết định của Hội đồng quản trị ban hành đều được sự thống nhất, đồng thuận của các thành viên và phù hợp với Điều lệ Công ty.

Các phiên họp của HĐQT đều được triệu tập, tổ chức theo đúng quy định, các nội dung biểu quyết đều đạt đồng thuận cao, các vấn đề lấy ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo đúng trình tự.

Các phiên họp HĐQT đều mời Ban kiểm soát tham gia, các vấn đề quan trọng HĐQT mời thủ trưởng các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty tham dự để tham khảo ý kiến, bổ sung thông tin đảm bảo các nghị quyết, quyết định của HĐQT kịp thời, có sự đồng thuận cao và đạt mục tiêu tạo điều kiện cho Ban điều hành hoạt động tốt hơn, đem lại hiệu quả cho Công ty.

Ngoài ra HĐQT và các thành viên đã tích cực tham gia cùng với Ban điều hành chỉ đạo các đơn vị, Chi nhánh, Xí nghiệp trong Công ty triển khai thực hiện nghị quyết trên tất cả các lĩnh vực hoạt động của Công ty, đặc biệt là công tác sản xuất tại Chi nhánh Thái Bình và Xí nghiệp luyện Xuân Hòa.

ĐÁNH GIÁ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN ĐIỀU HÀNH NĂM 2021

Với mục tiêu đẩy mạnh và nâng cao hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị tổ chức chỉ đạo, giám sát và hỗ trợ Ban điều hành trong việc thực hiện các giải pháp tiết giảm chi phí sản xuất, nâng cao công tác quản trị, nâng cấp chất lượng sản phẩm, đẩy mạnh công tác bán hàng. Phát huy tối đa việc bố trí hợp lý các dây chuyền sản xuất, năng lực trang thiết bị, giữ ổn định đội ngũ lao động, đảm bảo việc làm và thu nhập cho người lao động trên cơ sở hợp lý hóa sản xuất, tăng năng suất lao động và nâng cao chất lượng sản phẩm. Thực hiện tốt công tác tiết kiệm, chống lãng phí trong sản xuất kinh doanh

Qua quá trình kiểm điểm công tác, cho thấy Ban điều hành đã triển khai thực hiện các nghị quyết và kết luận của Hội đồng quản trị với nỗ lực cao đáng ghi nhận.

Ban điều hành, cán bộ quản lý trong công ty nhận thức rõ và đã tập trung giải quyết khắc phục các yếu kém về khả năng cạnh tranh, vấn đề chất lượng sản phẩm, giá thành, đa dạng hóa sản phẩm, công tác thị trường trong nước và xuất khẩu trong công tác quản trị Công ty.

Đẩy mạnh công tác tiêu thụ sản phẩm, Ban điều hành đã tập trung chỉ đạo xây dựng kế hoạch và mục tiêu cho từng tháng. Từng bước khắc phục tồn tại, nâng cao khả năng cạnh tranh của sản phẩm SRC. Tổ chức triển khai thực hiện phấn đấu nhằm đạt các mục tiêu kế hoạch đề ra ở mức cao nhất có thể.

Thường xuyên rà soát bổ sung các quy định, quy chế hiện có nhằm kiểm soát chặt chẽ việc mua bán, xuất nhập phụ tùng, vật tư, nguyên vật liệu, đảm bảo quá trình xét duyệt đúng quy định, qui chế mua sắm vật tư đã ban hành.

Coi trọng công tác thực hiện định mức vật tư, luôn cập nhật hoàn thiện bộ định mức, kiểm điểm định mức hàng tháng, đề ra biện pháp khắc phục kịp thời các sai lệch, yếu kém trong xây dựng và quản lý thực hiện định mức vật tư tại các đơn vị.

Duy trì và thực hiện tốt công tác phòng chống dịch bệnh Covid-19 và chăm sóc sức khỏe cho người lao động, giải quyết các chế độ đúng quy định.

Tuy nhiên, trong hoạt động của Ban điều hành vẫn có những tồn tại sau:

Công tác điều hành quản lý trực tiếp tại các xí nghiệp sản xuất có lúc còn chậm. Bộ máy quản lý lao động, quản lý công nghệ ở một vài đơn vị có lúc chưa đáp ứng được yêu cầu.

Bố trí lao động tại một số bộ phận, dây chuyền sản xuất tiếp tục bị mất cân đối do biến động giảm về quy mô sản xuất, cơ cấu sản phẩm bị thay đổi nhiều dẫn đến năng suất lao động chưa cao.

Công tác kỹ thuật chưa sâu sát, chưa quyết liệt khắc phục triệt để các nguyên nhân làm ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm.

Công tác phát triển sản xuất sản phẩm mới còn chậm, chưa theo kịp nhu cầu thị trường.



MỨC CỔ TỨC NĂM 2021

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 và kết quả SXKD, HĐQT Công ty đã họp và thống nhất trình ĐHĐCĐ thường niên năm 2021 xem xét thông qua trả cổ tức 6 % vốn điều lệ bằng tiền mặt.

KẾ HOẠCH SXKD 2022

Trên cơ sở dự báo tình hình kinh tế Thế giới và Việt Nam, căn cứ kế hoạch phát triển Công ty năm 2022. Hội đồng quản trị thống nhất đề xuất kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2022 và phương hướng quản trị, điều hành gồm một số nội dung chính như sau:

STT	Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch	So với thực hiện năm 2021 (%)
1	Giá trị sản xuất công nghiệp	tỷ đồng		
	Giá cố định 1994		380	108,7
	Giá thực tế		1015,2	107,2
2	Doanh thu tiêu thụ	Tỷ đồng	2000	209,2
	Doanh thu SXCN		970	114,05
	Doanh thu thương mại		1030	979,09
3	Lợi nhuận trước thuế	Tỷ đồng	100	190,8
4	Cổ tức		5%	83,33

Để hoàn thành các chỉ tiêu kế hoạch năm 2022, Hội đồng quản trị cần kiên quyết thực hiện các giải pháp sau đây:

1. Tuân thủ chặt chẽ các quy định của pháp luật, điều lệ Công ty, tập trung giám sát hoạt động của Ban điều hành, các bộ quản lý các mặt hoạt động của Công ty
2. Đề xuất với Ban điều hành các giải pháp quản lý sản xuất, quản lý chi phí, quản lý chất lượng. Hoàn thiện công tác bán hàng, điều chỉnh chính sách tiêu thụ hợp lý với đại lý, nhà phân phối. Kiên quyết khắc phục những hạn chế của mình đã nêu trong phần đánh giá của HĐQT về hoạt động điều hành năm 2021.
3. Sử dụng lao động có hiệu quả, tìm mọi biện pháp tăng năng suất lao động trong tình trạng thiếu hụt nhân công
4. Chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho CBCNV, có chính sách giữ người có trình độ cao, tay nghề giỏi, từng bước tăng thu nhập cho người lao động.
5. Quyết tâm phát triển sản phẩm mới, chất lượng cao đặc biệt là lớp ô tô công trường quy cách lớn, lốp xe máy không săm, săm xe máy butyl đáp ứng tốt nhu cầu thị trường.



Chương 7

PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Mục tiêu phát triển bền vững

Các chỉ tiêu phát triển bền vững

Đánh giá của Ban Giám đốc



Cùng với đưa doanh nghiệp đi lên, khẳng định vị thế trên thị trường thì các vấn đề an sinh xã hội, bảo đảm đời sống vật chất và tinh thần cho tập thể cán bộ công nhân viên công ty và hoàn thành các trách nhiệm khác với xã hội luôn là mối quan tâm hàng đầu của Ban lãnh đạo. Bảo đảm các mục tiêu phát triển bền vững của Đảng và Nhà nước, Cao su Sao Vàng đã có những chính sách, hành động cụ thể để hoàn thành mục tiêu này như các chính sách bảo vệ môi trường, tái sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào vừa tiết kiệm chi phí vừa bảo vệ môi trường. Trong 2 năm 2020 và 2021 vừa qua là những năm hết sức khó khăn do ảnh hưởng của dịch bệnh Covid-19, công ty vẫn không theo đuổi chính sách cắt giảm nhân sự mà quyết tâm ổn định, hỗ trợ đời sống cho tập thể công nhân viên của công ty.

CÁC CHỈ TIÊU PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG

Nguồn nguyên vật liệu

Nguyên liệu chính phục vụ sản xuất của Công ty bao gồm: cao su thiên nhiên, cao su tổng hợp, vải mảnh, than đen, thép tanh, hóa chất các loại, chất độn, chiếm khoảng 70 - 75% giá thành sản phẩm. Ý thức được mức độ ảnh hưởng đến môi trường, Cao su Sao Vàng đã có chính sách tái sử dụng các nguyên vật liệu đầu vào, vừa tối thiểu chi phí giá vốn, vừa bảo vệ môi trường

Nguyên vật liệu	Tổng khối lượng	Tỷ trọng
Cao su	2.220.072	21.77 %
Hóa chất	6.610.314	64.83 %
Vải mảnh	709.232	6.95 %
Dây thép tanh	656.436	6.45 %
Tổng	10.196.054	100 %

STT	Loại nguyên vật liệu	Đơn vị	Tổng khối lượng sử dụng
1	Cao su thiên nhiên, tổng hợp, tái sinh	Tấn	2.220.072
2	Hóa chất	Tấn	6.610.314
3	Vải mảnh	Tấn	709.232
4	Dây thép tanh	Tấn	656.436
5	Van	Chiếc	10.421.672

Tiêu thụ năng lượng

Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng 17.589.681 kWh điện năng để sản xuất.

Tiêu thụ nước

Trong năm 2021, Công ty đã sử dụng 203.259 m³ nước để phục vụ sản xuất.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường

Công ty thực hiện đúng, tuân thủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường. Các nguyên liệu sản xuất có thể được tái chế để sử dụng nhằm bảo vệ môi trường.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động. Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.

**ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC****Đánh giá các hoạt động liên quan đến môi trường**

Toàn thể công ty nỗ lực thực hiện các chính sách về bảo vệ môi trường, với tiêu chí phát triển bền vững và có trách nhiệm với môi trường, cộng đồng xung quanh. Công ty đã có những chính sách tái sử dụng nguyên vật liệu, đẩy mạnh công tác xử lý chất thải, nước thải từ quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh và sinh hoạt của cán bộ công nhân viên theo đúng quy trình, quy định của pháp luật. Ngoài ra, công ty cũng tích cực tuyên truyền, vận động nhằm biến nhận thức bảo vệ môi trường thành ý thức tự giác và hành động cụ thể ở từng cán bộ công nhân viên, từng bước trong quy trình sản xuất. SRC thực hiện quan trắc, kiểm tra chất lượng nước thải hàng quý, kết quả quan trắc cho thấy công đang thực hiện các mục tiêu bảo vệ môi trường, kiểm soát chất lượng nước thải theo đúng quy định của pháp luật. Ý thức được tầm quan trọng của bảo vệ môi trường, công ty cũng tích cực đầu tư nghiên cứu làm mới sản phẩm theo hướng bảo vệ môi trường, có thể tái sử dụng.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến người lao động

Trong năm 2021, lao động toàn Công ty từ 848 người (31/12/2020) giảm còn 844 người (31/12/2021). Tổng giảm 4 người, trong đó tăng mới 64 người và thực giảm 68 người. Thu nhập bình quân thực tế 1 tháng năm 2021 của người lao động là: 10.400.000 ng/tháng (tăng 0,53% so với năm 2020). Thu nhập của người lao động tăng tuy nhiên với tỷ lệ nhỏ và vẫn ở mức thấp so với mặt bằng chung khu vực. Đối phó với tình hình dịch bệnh COVID-19 căng thẳng trong năm 2021, Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng đã thực hiện các biện pháp phòng chống dịch theo hướng dẫn của Bộ Y tế, đảm bảo môi trường làm việc duy trì hoạt động sản xuất kinh doanh. Ngoài ra, công ty cũng tích cực triển khai các chương trình hỗ trợ người lao động tiêm vaccine phòng chống dịch, bảo vệ sức khỏe của cán bộ công nhân viên.

Đánh giá các hoạt động liên quan đến cộng đồng địa phương

Công ty luôn ý thức được để phát triển bền vững, cần nâng cao trách nhiệm, đóng góp của mình với cộng đồng địa phương. Điều đó thể hiện thông qua việc phối hợp với các cơ quan địa phương để phòng chống dịch bệnh, thực hiện đúng các quy định của pháp luật về môi trường, kinh doanh, đảm bảo cuộc sống cho người lao động.

Công ty luôn hành động để hướng tới mục tiêu cống hiến cho xã hội, ngày càng hoàn thiện hơn và hướng tới phát triển bền vững của xã hội và công ty.



CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG

(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021



MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1-2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3-4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5-6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8-9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10-42



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Phạm Hoàng Sơn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Việt Hùng	Thành viên
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Thành viên
Ông Nguyễn Đình Sơn	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Lương Xuân Hoàng	Thành viên (bổ nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Hùng	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)
Ông Nguyễn Văn Thành	Thành viên (miễn nhiệm ngày 26 tháng 4 năm 2021)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Việt Hùng	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Quang Hào	Phó Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Thanh Tùng	Phó Tổng Giám đốc

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Số: 0640/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông**
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 28 tháng 02 năm 2022, từ trang 05 đến trang 42, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)**Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Trần Xuân Ánh
Phó Tổng Giám đốc
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 0723-2018-001-1

Lương Tuấn Đạt
Kiểm toán viên
 Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
 kiểm toán số 4370-2018-001-1

CÔNG TY TNHH DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 28 tháng 02 năm 2022
 Hà Nội, CHXHCN Việt Nam

30112
 CÔNG
 TY
 DELOITTE
 VIỆT
 NAM

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		507.041.219.921	1.049.753.919.446
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	4	46.820.437.615	71.274.868.487
1. Tiền	111		23.320.437.615	56.274.868.487
2. Các khoản tương đương tiền	112		23.500.000.000	15.000.000.000
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		168.025.715.148	786.660.076.964
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	93.798.872.173	596.879.076.108
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	70.639.249.016	15.383.641.991
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	35	-	78.730.000.000
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	11.678.757.946	104.076.636.650
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	7	(8.091.163.987)	(8.409.277.785)
III. Hàng tồn kho	140	9	287.289.471.142	191.351.365.538
1. Hàng tồn kho	141		293.881.410.211	193.644.347.177
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(6.591.939.069)	(2.292.981.639)
IV. Tài sản ngắn hạn khác	150		4.905.596.016	467.608.457
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	10	776.499.590	466.396.382
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.925.204.830	1.212.075
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	17	203.891.596	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		728.330.266.191	355.589.299.668
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		6.017.992.134	710.054.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	8	6.017.992.134	710.054.000
II. Tài sản cố định	220		54.461.634.741	62.218.647.714
1. Tài sản cố định hữu hình	221	11	41.884.332.808	56.111.626.139
- Nguyên giá	222		668.369.415.071	662.727.513.642
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(626.485.082.263)	(606.615.887.503)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	12	9.145.049.311	2.491.298.553
- Nguyên giá	225		15.800.923.106	8.536.019.968
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		(6.655.873.795)	(6.044.721.415)
3. Tài sản cố định vô hình	227	13	3.432.252.622	3.615.723.022
- Nguyên giá	228		3.615.723.022	3.615.723.022
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(183.470.400)	-
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		4.358.136.847	-
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	14	4.358.136.847	-
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	15	509.773.060.592	134.776.652.219
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		505.000.000.000	130.000.000.000
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		8.444.062.358	8.444.062.358
3. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(3.671.001.766)	(3.667.410.139)
V. Tài sản dài hạn khác	260		153.719.441.877	157.883.945.735
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	10	153.719.441.877	157.883.945.735
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		1.235.371.486.112	1.405.343.219.114

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		802.778.532.457	977.141.622.159
I. Nợ ngắn hạn	310		514.726.997.327	694.148.555.516
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	16	69.917.694.266	223.186.946.846
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	17	116.636.961.698	11.219.298.127
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	18	1.989.146.294	7.585.651.752
4. Phải trả người lao động	314		19.365.408.931	22.831.160.680
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	19	1.172.138.882	1.624.734.870
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		2.818.182	-
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	20	22.179.174.661	282.698.841.117
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	21	278.023.391.935	143.274.209.572
9. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321	23	768.770.691	745.638.019
10. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		4.671.491.787	982.074.533
II. Nợ dài hạn	330		288.051.535.130	282.993.066.643
1. Phải trả dài hạn khác	337	20	143.500.000.000	143.500.000.000
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	22	138.184.580.007	132.493.066.643
3. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		6.366.955.123	7.000.000.000
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		432.592.953.655	428.201.596.955
I. Vốn chủ sở hữu	410	24	432.592.953.655	428.201.596.955
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		280.657.650.000	280.657.650.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		280.657.650.000	280.657.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		3.605	3.605
3. Cổ phiếu quỹ	415		(23.970.000)	(23.970.000)
4. Quỹ đầu tư phát triển	418		87.678.683.394	65.623.931.879
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		64.280.586.656	81.943.981.471
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kể đến cuối năm trước	421a		24.235.778.118	8.428.143.089
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		40.044.808.538	73.515.838.382
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		1.235.371.486.112	1.405.343.219.114


Lê Lan Phương
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng/
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	27	994.860.378.662	1.383.920.672.941
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	27	39.145.501.524	34.647.384.197
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01-02)	10	27	955.714.877.138	1.349.273.288.744
4. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	28	780.030.308.138	1.132.446.528.382
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		175.684.569.000	216.826.760.362
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	30	12.494.408.852	6.949.359.862
7. Chi phí tài chính	22	31	14.804.859.084	7.607.330.171
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		10.923.179.217	5.487.037.028
8. Chi phí bán hàng	25	32	45.589.692.508	33.923.610.566
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	32	75.216.023.903	91.365.768.838
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		52.568.402.357	90.879.410.649
11. Thu nhập khác	31		99.982.534	6.127.396.623
12. Chi phí khác	32		267.064.034	536.881.096
13. (Lỗ)/lợi nhuận khác (40=31-32)	40		(167.081.500)	5.590.515.527
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		52.401.320.857	96.469.926.176
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	33	12.356.512.319	22.954.087.794
16. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		40.044.808.538	73.515.838.382
17. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	34		2.349


Lê Lan Phương
Người lập biểu


Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng/
Phó Tổng Giám đốc


Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	52.401.320.857	96.469.926.176
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	20.663.817.540	20.961.717.365
Các khoản dự phòng	03	4.007.567.931	4.641.575.609
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	83.900.412	(994.205.669)
(Lãi)/lỗ từ hoạt động đầu tư	05	(7.294.185.455)	1.669.502.034
Chi phí lãi vay	06	10.923.179.217	5.487.037.028
Các khoản điều chỉnh khác	07	-	1.000.000.000
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	80.785.600.502	129.235.552.543
Giảm/(tăng) các khoản phải thu	09	525.235.065.072	(603.201.423.853)
(Tăng)/giảm hàng tồn kho	10	(100.237.063.034)	17.955.514.118
(Giảm)/tăng các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(317.773.112.157)	469.996.259.812
Giảm chi phí trả trước	12	3.854.400.650	5.370.304.057
Tiền lãi vay đã trả	14	(10.939.229.217)	(5.390.837.028)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	(13.551.732.732)	(25.098.568.605)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(4.333.711.461)	(4.922.225.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	163.040.217.623	(16.055.423.956)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(4.449.560.088)	(1.719.851.335)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(1.700.000.000)	(78.730.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	85.307.908.999	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(375.000.000.000)	-
5. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	7.930.856.691	2.066.023.257
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(287.910.794.398)	(78.383.828.078)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ đi vay	33	588.429.640.599	285.972.820.649
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(457.432.343.485)	(200.740.346.183)
3. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	(2.566.563.387)	(1.420.751.174)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(27.975.683.510)	(22.383.100.270)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	100.455.050.217	61.428.623.022
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(24.415.526.558)	(33.010.629.012)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	71.274.868.487	104.339.775.297
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(38.904.314)	(54.277.798)
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	46.820.437.615	71.274.868.487

Lê Lan Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng/
Phó Tổng Giám đốc



Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022

01/01
CỘ
T
E
L
I
E

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo.

1. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng (gọi tắt là "Công ty") được cổ phần hóa từ doanh nghiệp Nhà nước là Công ty Cao su Sao Vàng theo Quyết định số 3500/QĐ-BCN ngày 24 tháng 10 năm 2005 của Bộ trưởng Bộ Công nghiệp về phê duyệt phương án và chuyển Công ty Cao su Sao Vàng thành Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng. Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần số 0103011568 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 03 tháng 4 năm 2006, đăng ký thay đổi lần thứ 10 ngày 28 tháng 4 năm 2020.

Trụ sở chính của Công ty được đặt tại số 231 Nguyễn Trãi, phường Thượng Đình, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội, Việt Nam.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 844 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 848 người).

Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty là sản xuất sản phẩm công nghiệp.

Hoạt động chính của Công ty gồm:

- Kinh doanh các sản phẩm cao su;
- Mua bán, sửa chữa, bảo dưỡng ô tô, xe máy và phụ tùng thay thế;
- Cho thuê cửa hàng, văn phòng, nhà xưởng, kho bãi;
- Chế tạo, lắp đặt và mua bán máy móc thiết bị phục vụ ngành cao su;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị, hóa chất phục vụ cho ngành sản xuất công nghiệp cao su;
- Đại lý mua, đại lý bán, ký gửi hàng hóa.

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty được thực hiện trong thời gian không quá 12 tháng.

Sự kiện phát sinh trong năm ảnh hưởng đến hoạt động của Công ty

Hiện nay, dịch bệnh COVID-19 đang bùng phát tại Việt Nam và các nước khác trên thế giới nhưng Ban Tổng Giám đốc tin rằng vấn đề trên không có tác động trọng yếu đến báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty. Ban Tổng Giám đốc đang tiếp tục đánh giá ảnh hưởng tiềm tàng của dịch bệnh COVID-19 đến tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh của Công ty trong năm 2022 để xây dựng các kế hoạch ứng phó phù hợp đối với tình hình bất ổn này.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Góp vốn vào Công ty Cổ phần Sao Vàng – Hoàng Sơn

Theo Quyết định số 139B/NQ-HĐQT ngày 02 tháng 11 năm 2021 của Hội đồng Quản trị, Công ty thông qua việc góp vốn vào Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn. Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp sửa đổi lần thứ nhất ngày 19 tháng 11 năm 2021, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn là 750.000.000.000 VND. Trong đó, giá trị phần vốn góp của Công ty là 375.000.000.000 VND tương ứng với 50% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn. Theo đó, kể từ ngày 02 tháng 11 năm 2021, Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn trở thành công ty liên kết của Công ty. Tại ngày 24 tháng 12 năm 2021, Công ty đã hoàn tất việc góp vốn bằng hình thức chuyển khoản.

Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty có các đơn vị trực thuộc như sau:

STT	Tên đơn vị trực thuộc	Địa chỉ	Hoạt động kinh doanh chính
1	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thái Bình	Thái Bình	Kinh doanh sản phẩm cao su
2	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Đà Nẵng	Đà Nẵng	Kinh doanh sản phẩm cao su
3	Chi nhánh Công ty Cổ phần Cao su Sao Vàng tại Thành phố Hồ Chí Minh	Thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh sản phẩm cao su

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính đã được kiểm toán cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

Lước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là một công ty mà Công ty có ảnh hưởng đáng kể nhưng không phải là công ty con hay công ty liên doanh của Công ty. Ảnh hưởng đáng kể thể hiện ở quyền tham gia vào việc đưa ra các quyết định về chính sách tài chính và hoạt động của bên nhận đầu tư nhưng không có ảnh hưởng về mặt kiểm soát hoặc đồng kiểm soát những chính sách này.

Công ty ghi nhận ban đầu khoản đầu tư vào công ty liên kết theo giá gốc. Công ty hạch toán vào thu nhập trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khoản được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của bên nhận đầu tư phát sinh sau ngày đầu tư. Các khoản khác mà Công ty nhận được ngoài lợi nhuận được chia được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trình bày trong Bảng cân đối kế toán theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng giảm giá (nếu có). Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được thực hiện khi có bằng chứng chắc chắn cho thấy có sự suy giảm giá trị của các khoản đầu tư này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác phản ánh các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Khoản đầu tư vào công cụ vốn các đơn vị khác được phản ánh theo nguyên giá trừ các khoản dự phòng giảm giá đầu tư.

Dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng cho các khoản đầu tư khi giá trị ghi sổ cao hơn giá trị tài sản thuần của bên nhận góp vốn tại ngày kết thúc năm tài chính.

Nợ phải thu

Nợ phải thu là số tiền có thể thu hồi của khách hàng hoặc các đối tượng khác. Nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản nợ phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản nợ phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc năm tài chính.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Nhà xưởng và vật kiến trúc	06 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 12
Phương tiện vận tải	06 - 10
Thiết bị văn phòng	04 - 10

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê tài chính khi phần lớn các quyền lợi và rủi ro về quyền sở hữu tài sản được chuyển sang cho người đi thuê. Tất cả các khoản thuê khác được xem là thuê hoạt động.

Công ty là bên cho thuê

Doanh thu cho thuê hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Chi phí trực tiếp ban đầu phát sinh trong quá trình đàm phán ký hợp đồng thuê hoạt động được ghi nhận vào giá trị còn lại của tài sản cho thuê và kế toán theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê.

Công ty là bên đi thuê

Công ty ghi nhận tài sản thuê tài chính là tài sản của Công ty theo giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản hoặc theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu, nếu giá trị này thấp hơn. Nợ phải trả bên cho thuê tương ứng được ghi nhận trên Bảng cân đối kế toán như một khoản nợ phải trả về thuê tài chính. Các khoản thanh toán tiền thuê được chia thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc nhằm đảm bảo tỷ lệ lãi suất định kỳ cố định trên số dư nợ còn lại. Chi phí thuê tài chính được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh, trừ khi các chi phí này trực tiếp hình thành nên tài sản đi thuê, trong trường hợp đó sẽ được vốn hóa theo chính sách kế toán của Công ty về chi phí đi vay.

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao trên thời gian hữu dụng ước tính tương tự như áp dụng với tài sản thuộc sở hữu của Công ty. Tuy nhiên, nếu không chắc chắn là bên thuê sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản thuê sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời hạn thuê hoặc thời gian sử dụng hữu ích của tài sản đó:

Máy móc và thiết bị	Số năm 05 - 06
---------------------	-------------------

Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình thể hiện quyền sử dụng đất của các lô đất tại Thành phố Hà Nội, Thành phố Hồ Chí Minh và Thành phố Đà Nẵng của Công ty với mục đích làm trụ sở văn phòng. Quyền sử dụng đất tại Thành phố Hồ Chí Minh được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất là 42 năm. Quyền sử dụng đất không thời hạn tại Thành phố Hà Nội và Thành phố Đà Nẵng không được trích khấu hao.

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán.

Các khoản chi phí trả trước bao gồm chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam; chi phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc; giá trị công cụ, dụng cụ chờ phân bổ và các chi phí trả trước khác được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam là khoản trả trước tiền thuê 212.538 m² đất tại Lô E, Khu Công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam của Công ty TNHH Một thành viên VPID Hà Nam theo Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTD-HVPID ngày 18 tháng 7 năm 2016, thời hạn thuê đất là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Chi phí thuê đất được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

Các khoản dự phòng phải trả

Các khoản dự phòng phải trả được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Tổng Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc năm tài chính.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được tính trước vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ hạch toán để đảm bảo khi các khoản chi phải trả phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh ở các kỳ tiếp theo. Việc ghi nhận chi phí phải trả phải đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí phát sinh trong kỳ. Các khoản chi phí phải trả sẽ được quyết toán với số chi phí thực tế phát sinh. Số chênh lệch giữa số trích trước và chi phí thực tế được hoàn nhập.

Ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều năm thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của năm đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán; và
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	555.135.276	1.082.390.130
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	22.765.302.339	55.192.478.357
Các khoản tương đương tiền (i)	23.500.000.000	15.000.000.000
	46.820.437.615	71.274.868.487

- Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, các khoản tương đương tiền phản ánh các khoản tiền gửi có kỳ hạn gốc 01 tháng tại các ngân hàng thương mại với lãi suất từ 3%/năm đến 3,5%/năm (năm 2020: 3%/năm).

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty TNHH Sao Mai Anh	19.140.670.982	25.050.209.898
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Loan Tuyết	8.533.629.662	6.610.519.912
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - Chi nhánh tại Hưng Yên	4.717.518.810	12.907.720.169
Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Nga Sơn	1.096.296.680	56.096.296.680
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	-	402.985.052.168
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	25.122.340.375
Các khách hàng khác	60.310.756.039	68.106.936.906
	93.798.872.173	596.879.076.108
Trong đó: Phải thu khách hàng là các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	541.763.830	26.209.349.638

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam (i)	70.029.883.765	-
Khác	609.365.251	15.383.641.991
	70.639.249.016	15.383.641.991

(i) Bao gồm khoản Công ty tạm ứng cho Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam để mua tấm pin theo hợp đồng tạm ứng mua hàng số 01/2021/SRC-XNKVN ngày 15 tháng 12 năm 2021 với số tiền là 70.004.634.500 VND.

11/01/2022

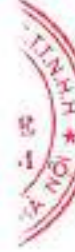
CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

7. NỢ XẤU

MẪU SỐ B 09-DN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số dư phải thu	Giá gốc khoản nợ xấu	Giá trị nợ xấu có thể thu hồi	VND
Công ty Cổ phần Ô tô TMT - chi nhánh Hưng Yên	4.717.518.810	1.050.601.124	671.157.272	2.559.678.716
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam	2.966.978.675	2.966.978.675	-	-
Nguyễn Thị Hương	2.208.428.046	2.208.428.046	49.460.468	210.154.673
Công ty Cổ phần Ô tô An Thái - CONECO	686.000.000	686.000.000	-	-
Nguyễn Văn Lợi	420.374.028	420.374.028	-	135.112.208
Chi nhánh Sông Đà 802 - Công ty Cổ phần Sông Đà	295.710.052	295.710.052	-	-
Công ty TNHH Phú Cường	282.014.700	282.014.700	-	-
Đối tượng khác	2.178.163.354	1.976.671.628	1.074.996.526	243.999.663
	13.755.187.665	9.886.778.253	1.795.614.266	3.148.945.260
			20.624.718.787	11.558.223.045
				3.148.945.260

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Ban Tổng Giám đốc Công ty đánh giá và xác định giá trị có thể thu hồi của các khoản phải thu dựa trên giá gốc trừ giá trị dự phòng phải thu khó đòi đã trích lập.



B. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Kỳ quỹ ngắn hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	6.114.598.756	94.256.060.250
Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam (i)	2.966.978.675	2.966.978.675
Phải thu người lao động	482.509.869	482.915.539
Phải thu lãi tiền gửi và cho vay	157.942.464	3.595.046.742
Tạm ứng	24.808.000	2.489.901.000
Phải thu khác	1.931.920.182	285.734.444
	11.678.757.946	104.076.636.650
b. Dài hạn		
Kỳ quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam (ii)	5.000.000.000	-
Các khoản ký cược, ký quỹ dài hạn khác	1.017.992.134	710.054.000
	6.017.992.134	710.054.000
Trong đó: Phải thu khác với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	-	2.800.433.042

- (i) Phải thu về khoản góp vốn tại Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam phản ánh số tiền Công ty tạm ứng vốn cho Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam theo kế hoạch tăng vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam. Tuy nhiên, do hoạt động của Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam không mang lại hiệu quả, kế hoạch tăng vốn điều lệ đã không được thực hiện. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty Cổ phần Philips Carbon Black Việt Nam đang trong quá trình hoàn thiện thủ tục giải thể doanh nghiệp và trả lại tiền vốn góp cho các cổ đông.
- (ii) Khoản ký quỹ dài hạn tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam thông qua các hợp đồng tiền gửi tại ngân hàng này. Khoản ký quỹ nhằm mục đích phát hành các thư tín dụng để thanh toán các hợp đồng nhập khẩu và đảm bảo cho các khoản vay tại ngân hàng này.



9. HÀNG TỒN KHO

	Số cuối năm VND		Số đầu năm VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi đường	8.193.396.448	-	843.638.283	-
Nguyên liệu, vật liệu	117.957.607.141	-	94.329.588.755	-
Công cụ, dụng cụ	3.834.686.636	-	4.485.873.382	-
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.558.682.093	-	9.270.291.666	-
Thành phẩm	153.477.861.172	(6.525.068.589)	84.495.672.485	(2.262.933.902)
Hàng hoá	18.000.400	-	26.964.215	-
Hàng gửi bán	841.176.321	(66.870.480)	192.318.391	(30.047.737)
	293.881.410.211	(6.591.939.069)	193.644.347.177	(2.292.981.639)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty đã trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho với số tiền là 6.591.939.069 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 2.292.981.639 VND).

10. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Phí bảo hiểm cháy nổ bắt buộc	293.957.060	288.411.515
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	482.542.530	177.984.867
	776.499.590	466.396.382
b. Dài hạn		
Chi phí thuê đất và sử dụng hạ tầng tại Khu công nghiệp Châu Sơn, Hà Nam (i)	149.740.656.570	154.075.716.570
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	3.873.785.307	3.717.041.665
Chi phí trả trước dài hạn khác	105.000.000	91.187.500
	153.719.441.877	157.883.945.735

- (i) Công ty ký kết Hợp đồng thuê đất số 17/HĐTĐ-HVPIĐ ngày 18 tháng 7 năm 2016 với Công ty TNHH Một thành viên VPIĐ Hà Nam để thuê lại 212.538 m² đất tại Lô E, Khu công nghiệp Châu Sơn, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam. Thời gian thuê là 40 năm kể từ ngày ký kết hợp đồng. Mục đích thuê để thực hiện Dự án di dời và sản xuất lốp radial tại Khu công nghiệp Châu Sơn – tỉnh Hà Nam. Theo Nghị quyết số 114/NQ-HĐQT của Hội đồng Quản trị ngày 15 tháng 6 năm 2020, Công ty đã dừng việc triển khai thực hiện Dự án này. Theo Nghị quyết số 152/NQ-HĐQT ngày 21 tháng 10 năm 2020, Hội đồng Quản trị Công ty đã họp và thống nhất chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng cho các nhà đầu tư có nhu cầu trên cơ sở thẩm định giá, bảo toàn vốn đầu tư. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, Công ty vẫn đang trong quá trình tìm kiếm nhà đầu tư có nhu cầu để chuyển nhượng quyền sử dụng đất và cơ sở hạ tầng nêu trên.

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Thiết bị văn phòng VND	Phương tiện vận tải VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ					
Số dư đầu năm	112.636.883.385	507.349.960.494	1.015.211.796	41.725.457.967	662.727.513.642
Mua sắm mới	-	2.356.477.538	-	1.190.000.000	3.546.477.538
Tăng từ tài sản thuế tài chính	-	2.095.423.891	-	-	2.095.423.891
Số dư cuối năm	112.636.883.385	511.801.861.923	1.015.211.796	42.915.457.967	668.369.415.071
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ					
Số dư đầu năm	92.942.174.341	475.168.374.604	1.015.211.796	37.490.126.762	606.615.887.503
Khấu hao trong năm	2.174.867.540	14.713.276.922	-	1.650.501.990	18.538.646.452
Tăng từ tài sản thuế tài chính	-	1.330.548.308	-	-	1.330.548.308
Số dư cuối năm	95.117.041.881	491.212.199.834	1.015.211.796	39.140.628.752	626.485.082.263
GIÁ TRỊ CÒN LẠI					
Tại ngày đầu năm	19.694.709.044	32.181.585.890	-	4.235.331.205	56.111.626.139
Tại ngày cuối năm	17.519.841.504	20.589.662.089	-	3.774.829.215	41.884.332.808

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, nguyên giá của TSCĐ bao gồm các TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 553.746.283.108 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 493.157.223.485 VND).

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp tài sản cố định với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.849.489.639 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020: 17.514.264.014 VND) để đảm bảo cho các khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa, Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên và Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội.

21

DA / NH / T / 128

12. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

	Máy móc và thiết bị VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	8.536.019.968
Thuê tài chính trong năm	9.360.327.029
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	2.095.423.891
Số dư cuối năm	15.800.923.106
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	6.044.721.415
Khấu hao trong năm	1.941.700.688
Chuyển sang tài sản cố định hữu hình	1.330.548.308
Số dư cuối năm	6.655.873.795
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	2.491.298.553
Tại ngày cuối năm	9.145.049.311

13. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Quyền sử dụng đất VND
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	3.615.723.022
Số dư cuối năm	3.615.723.022
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	-
Khấu hao trong năm	183.470.400
Số dư cuối năm	183.470.400
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	3.615.723.022
Tại ngày cuối năm	3.432.252.622

Như trình bày tại Thuyết minh số 21 và Thuyết minh số 22, Công ty đã thế chấp lô đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.042.161.718 VND) để đảm bảo cho các khoản vay tại Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa.

14. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỨ DANG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Mua sắm máy móc, thiết bị	3.656.700.482	-
Xây dựng nhà kho Xuân Hòa	701.436.365	-
	4.358.136.847	-

15. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị ghi số	Dự phòng	Giá trị ghi số	Dự phòng
		VND		VND
Đầu tư vào công ty liên kết	505.000.000.000	(905.693.512)	130.000.000.000	(590.647.758)
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn (i)	130.000.000.000	(905.693.512)	130.000.000.000	(590.647.758)
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn (ii)	375.000.000.000	-	-	-
Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	8.444.062.358	(2.765.308.254)	8.444.062.358	(3.076.762.381)
Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam (iii)	8.444.062.358	(2.765.308.254)	8.444.062.358	(3.076.762.381)
	513.444.062.358	(3.671.001.766)	138.444.062.358	(3.667.410.139)

(i) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản tại Hà Nội là 26%. Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016 với Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn - bên liên quan của Công ty. Theo điều khoản chính của hợp đồng, các bên tham gia góp vốn sẽ thành lập Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn để thực hiện dự án "Tổ hợp Thương mại và Nhà ở Sao Vàng - Hoành Sơn" tại số 231 Nguyễn Trãi - Thanh Xuân - Hà Nội. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn là 500 tỷ VND, trong đó Công ty góp 26% vốn điều lệ tương đương với 130 tỷ VND. Theo Biên bản họp Hội đồng Quản trị số 96/BB-HĐQT ngày 19 tháng 6 năm 2018, Công ty đang xây dựng lộ trình, kế hoạch thoái phần vốn góp của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn trên cơ sở theo đúng các quy định của pháp luật và bảo toàn vốn đầu tư.

(ii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất sẫm, lốp cao su tại Hà Tĩnh là 50%. Tại ngày lập báo cáo tài chính này, vốn điều lệ của Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn là 750 tỷ VND, trong đó Công ty góp 50% vốn điều lệ tương đương với 375 tỷ VND.

(iii) Tỷ lệ phần sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết nắm giữ của Công ty tại Công ty Cổ phần Phillips Carbon Black Việt Nam - công ty đang hoạt động trong lĩnh vực sản xuất than cốc tại tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu là 7%.

Dự phòng đầu tư vào công ty liên kết và đầu tư vào đơn vị khác được trích lập dựa trên báo cáo tài chính của đơn vị nhận đầu tư tại ngày kết thúc năm tài chính.

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính.

Tình hình hoạt động của công ty liên kết trong năm như sau:

	Kết quả hoạt động kinh doanh năm nay	Kết quả hoạt động kinh doanh năm trước
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	Lỗ	Lỗ
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn	Chưa hoạt động	Chưa hoạt động

16. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND
Công ty TNHH Chế biến Cao su Đà Nẵng	13.909.935.000	13.909.935.000	10.422.885.000	10.422.885.000
Công ty TNHH Kim Trường Phúc	7.961.642.280	7.961.642.280	10.206.451.800	10.206.451.800
Công ty TNHH MTV Cao su Quảng Trị	6.788.250.000	6.788.250.000	4.809.000.000	4.809.000.000
Công ty Cổ phần Dệt Công nghiệp Hà Nội	6.256.384.924	6.256.384.924	9.598.861.078	9.598.861.078
Công ty TNHH Phát triển Năng lượng Trina Solar	-	-	152.851.625.044	152.851.625.044
Các đối tượng khác	35.001.482.062	35.001.482.062	35.298.123.924	35.298.123.924
	69.917.694.266	69.917.694.266	223.186.946.846	223.186.946.846

17. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	86.112.786.092	-
Công ty Cổ phần Thương mại và Xuất nhập khẩu Việt Nam	21.020.330.486	-
Kenman Ventures Company Limited	1.692.466.987	130.224.196
Agile Sources Company Limited	1.672.065.279	1.221.283.533
Eco Asia Pte Company Limited	1.203.237.251	-
Công ty Cổ phần Xây dựng Lũng Lô 9	-	5.849.326.784
Người mua trả tiền trước khác	4.936.075.603	4.018.463.614
	116.636.961.698	11.219.298.127
Trong đó: Người mua trả tiền trước là bên liên quan (Chi tiết tại thuyết minh số 35)	86.112.786.092	-

18. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/ PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số phải nộp/thu trong năm	Số đã thực nộp/thu trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	-	203.891.596	203.891.596
	-	-	203.891.596	203.891.596
b. Các khoản phải trả				
Thuế giá trị gia tăng	4.499.022.104	29.140.728.264	33.638.106.298	1.644.070
Thuế xuất khẩu, nhập khẩu	-	392.518.367	392.518.367	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	3.036.752.231	12.356.512.319	13.551.732.732	1.841.531.818
Thuế thu nhập cá nhân	49.877.417	1.148.798.353	1.052.705.364	145.970.406
Thuế nhà đất, tiền thuế đất	-	16.820.220.976	16.820.220.976	-
Thuế môn bài	-	5.000.000	5.000.000	-
Các loại thuế khác	-	142.771.448	142.771.448	-
	7.585.651.752	60.006.549.727	65.603.055.185	1.989.146.294

19. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Trích trước chi phí thư tín dụng nhập khẩu	497.500.553	1.011.294.000
Chi phí phụ cấp độc hại và cơm công nghiệp	264.177.529	233.318.934
Chi phí lãi vay	157.150.000	173.200.000
Chi phí vận chuyển	133.673.848	99.266.333
Các khoản trích trước khác	119.636.952	107.655.603
	1.172.138.882	1.624.734.870

20. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Phải trả thư tín dụng nhập khẩu (i)	18.681.862.320	271.260.764.544
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	950.662.468	862.977.978
Nhận ký quỹ, ký cược ngắn hạn	708.200.200	1.451.642.960
Các khoản trích theo lương	438.176.675	232.247.914
Phải trả tiền ủy thác nhập khẩu	-	8.532.212.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	1.400.272.998	358.995.721
	22.179.174.661	282.698.841.117
b. Dài hạn		
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn (ii)	143.500.000.000	143.500.000.000
	143.500.000.000	143.500.000.000
Trong đó: Phải trả dài hạn khác bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 35)	143.500.000.000	143.500.000.000

- (i) Phải trả liên quan tới các hợp đồng mua thép, pin năng lượng mặt trời theo phương thức thanh toán Thư tín dụng trả chậm thông qua Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam. Theo các hợp đồng này, Công ty được ngân hàng thanh toán ngay và thanh toán chậm với ngân hàng trong thời hạn từ 6 tháng với lãi suất là 6%/năm. Lãi được tính và thanh toán hàng tháng.
- (ii) Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn - bên liên quan của Công ty và Công ty đã ký Hợp đồng hợp tác đầu tư số 18/2016/HĐHTĐT/SRC-HS ngày 15 tháng 6 năm 2016. Theo đó, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn hỗ trợ kinh phí để Công ty thực hiện các công việc tháo dỡ, di dời nhà máy hiện tại và đầu tư vào khu đất nhà máy mới với số tiền cam kết góp là 435 tỷ VND chưa bao gồm các loại thuế, chia thành 4 lần chuyển tiền và được thực hiện trong thời gian từ năm 2016 tới năm 2018. Đến ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn đã chuyển 2 đợt cho Công ty với tổng số tiền là 143.500.000.000 VND.



21. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ VND
Vay ngắn hạn						
Vay ngân hàng	140.286.601.617	140.286.601.617	588.365.175.572	455.280.389.191	273.371.387.998	273.371.387.998
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (i)	39.724.989.434	39.724.989.434	192.719.610.104	164.623.769.352	67.820.830.186	67.820.830.186
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Phúc Yên (ii)	3.535.056.000	3.535.056.000	90.565.791.060	52.646.671.500	41.454.175.560	41.454.175.560
- Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội (iii)	97.026.556.183	97.026.556.183	305.079.774.408	238.009.948.339	164.096.382.252	164.096.382.252
Vay cá nhân (iv)	1.350.798.168	1.350.798.168	63.345.227	670.497.402	743.645.993	743.645.993
Vay và nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	1.481.456.880	1.481.456.880	1.481.456.892	1.481.456.892	1.481.456.880	1.481.456.880
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	1.481.456.880	1.481.456.880	1.481.456.892	1.481.456.892	1.481.456.880	1.481.456.880
Nợ thuế tài chính dài hạn đến hạn trả (xem Thuyết minh số 22)	155.352.907	155.352.907	4.838.111.544	2.566.563.387	2.426.901.064	2.426.901.064
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	155.352.907	155.352.907	385.890.498	429.438.285	111.805.120	111.805.120
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMI TRUST	-	-	4.452.221.046	2.137.125.102	2.315.095.944	2.315.095.944
	143.274.209.572	143.274.209.572	594.748.089.235	459.998.906.872	278.023.391.935	278.023.391.935

(i) Phần ảnh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 78/2020/HBCVHM/NHCT126-CSSV ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa ngày 06 tháng 11 năm 2020 có tổng giá trị khoản vay tối đa 100.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ với khoảng lãi suất từ 3,5%/năm đến 4,5%/năm. Thời hạn cho vay được xác định theo Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay ngắn hạn này cùng với khoản vay dài hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 22 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc, thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.849.489.639 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.109.627.053 VND), được trình

27

	9/	12/
9/	12/	
9/	12/	

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

(ii) Phần ảnh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 11/2020/HBCVHM/NHCT260 ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Phúc Yên ngày 29 tháng 12 năm 2020 có tổng giá trị khoản vay tối đa 50.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh sản phẩm, lớp và các sản phẩm từ cao su. Lãi suất cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ với lãi suất là 4,5%/năm. Thời hạn cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ nhưng tối đa không quá 06 tháng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 0 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 0 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11.

(iii) Phần ảnh khoản vay ngắn hạn theo Hợp đồng tín dụng số 01/2021/135074/HĐTD ký với Ngân hàng Thương mại Cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam - chi nhánh Hà Nội ngày 15 tháng 11 năm 2021 và các phụ lục kèm theo có tổng giá trị khoản vay tối đa 385.000.000.000 VND, với mục đích vay bổ sung vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh, bảo lãnh thanh toán, mở L/C. Lãi suất và thời hạn cho vay được xác định trên từng Giấy nhận nợ với khoảng lãi suất từ 4,5%/năm đến 6%/năm. Khoản vay được đảm bảo bằng quyền sử dụng đất thuê trả tiền hàng năm và tài sản gắn liền với đất của Công ty tại phường Xuân Hòa, thị xã Phúc Yên, tỉnh Vĩnh Phúc với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 404.636.961 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 404.636.961 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11.

(iv) Phần ảnh khoản tiền vay các cá nhân là nhân viên của Công ty với thời gian vay dưới 12 tháng và lãi suất vay là 5%/năm.

	9/	12/
9/	12/	
9/	12/	

22. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ	Tăng	VND Giảm	Giá trị	VND Số có khả năng trả nợ
Vay ngân hàng dài hạn						
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa (i)	3.827.097.019	3.827.097.019	-	1.481.456.892	2.345.640.127	2.345.640.127
Nợ tài chính dài hạn						
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (ii)	302.779.411	302.779.411	-	143.911.419	158.867.992	158.867.992
Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST (iii)	-	-	12.009.962.000	2.421.532.168	9.588.429.832	9.588.429.832
Vay dài hạn khác						
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn (iv)	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	130.000.000.000	130.000.000.000	-	-	130.000.000.000	130.000.000.000
	134.129.876.430	134.129.876.430	12.009.962.000	4.046.900.479	142.092.937.951	142.092.937.951
Trong đó:						
Vay và nợ dài hạn đến hạn trả						
Vay ngân hàng dài hạn đến hạn trả	1.636.809.787				3.908.357.944	
- Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Đồng Đa	1.481.456.880				1.481.456.880	
Nợ thuê tài chính dài hạn đến hạn trả	155.352.907				2.426.901.064	
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	155.352.907				111.805.120	
- Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST (iii)	-				2.315.095.944	
Số phải trả sau 12 tháng	132.493.066.643				138.184.580.007	
Vay dài hạn	132.345.640.139				130.864.183.247	
Nợ dài hạn	147.426.504				7.320.396.760	

29

CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

MẪU SỐ B 09-DN

- (i) Phản ánh khoản vay dài hạn tại Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam - chi nhánh Đồng Đa theo Hợp đồng tín dụng số 09/2018/HĐVCDADT/NHCT126-SRC ngày 01 tháng 8 năm 2018 có tổng giá trị khoản vay tối đa 40.544.000.000 VND, thời hạn cho vay là 60 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên. Mục đích khoản vay để thanh toán các chi phí hợp pháp, hợp lệ của Dự án "Đầu tư máy móc, thiết bị lẻ năm 2017-2018". Thời hạn giải ngân trong vòng 12 tháng. Lãi suất cho vay được xác định theo từng Giấy nhận nợ và có giá trị kể từ thời điểm giải ngân cho đến khi có sự điều chỉnh lãi suất theo văn bản thông báo thay đổi lãi suất của Ngân hàng. Khoản vay dài hạn này cùng với khoản vay ngắn hạn tại cùng ngân hàng được trình bày ở Thuyết minh số 21 được đảm bảo bằng tài sản cố định của Công ty bao gồm các máy móc thiết bị với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 12.849.489.639 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 17.109.627.053 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 11, và giá trị quyền sử dụng đất tại xã Hòa Châu, huyện Hòa Vang, thành phố Đà Nẵng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 là 3.042.161.718 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2020 là 3.042.161.718 VND), được trình bày tại Thuyết minh số 13.
- (ii) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng Thương mại Cổ phần Công thương Việt Nam với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 48 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính được quy định trong từng hợp đồng thuê.
- (iii) Phản ánh số dư các hợp đồng thuê tài chính giữa Công ty và Công ty Cho thuê Tài chính TNHH BIDV - SuMi TRUST với mục đích sử dụng tài sản thuê tài chính để phục vụ sản xuất kinh doanh. Thời hạn của các hợp đồng cho thuê tài chính là 60 tháng kể từ thời điểm nhận nợ. Lãi suất cho thuê tài chính cố định 8%/năm trong vòng 3 tháng kể từ ngày nhận nợ thuê và sau đó, lãi suất thuê là lãi suất tiền gửi tiết kiệm cá nhân VND 12 tháng trả sau do Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam công bố cộng với biên độ và được điều chỉnh 3 tháng một lần.
- (iv) Phản ánh khoản vay dài hạn không có tài sản đảm bảo từ Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn - bên liên quan của Công ty để góp vốn điều lệ vào Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Thời hạn vay được điều chỉnh theo lộ trình thoái vốn của Công ty tại Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn. Lãi suất vay là 0%/năm. Khoản vay không có tài sản đảm bảo.

Các khoản vay dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	1.481.456.880	1.481.456.880
Trong năm thứ hai	1.481.456.880	1.481.456.880
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	129.382.726.367	130.864.183.259
	132.345.640.127	133.827.097.019
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(1.481.456.880)	(1.481.456.880)
Số phải trả sau 12 tháng	130.864.183.247	132.345.640.139

Các khoản nợ thuê tài chính dài hạn được hoàn trả theo lịch biểu sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Trong vòng một năm	2.426.901.064	155.352.907
Trong năm thứ hai	1.953.598.051	49.921.092
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	5.366.798.709	97.505.412
	9.747.297.824	302.779.411
Trừ: số phải trả trong vòng 12 tháng	(2.426.901.064)	(155.352.907)
Số phải trả sau 12 tháng	7.320.396.760	147.426.504

30

23. DỰ PHÒNG PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

Phản ánh dự phòng trích lập để bảo hành sản phẩm cho các lô hàng Công ty đã bán đến ngày 31 tháng 12 năm 2021. Dự phòng bảo hành sản phẩm là ước tính chính xác nhất của Ban Tổng Giám đốc về khoản nợ phải trả áp dụng đối với các sản phẩm từ cao su trên cơ sở kinh nghiệm của Công ty về xác suất các sản phẩm lỗi.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CAO SU SAO VÀNG
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

24. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	VND		VND		VND		VND		VND	
	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Cổ phiếu quỹ	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng	VND	VND	VND	VND
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020										
Số dư đầu năm trước	280.657.650.000	3.605	53.303.023.866	(23.970.000)	47.401.714.840	381.338.422.311				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	73.515.838.382	73.515.838.382				
Trích quỹ đầu tư phát triển	-	-	12.320.908.013	-	(12.320.908.013)	-				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	-	-	-	-	(4.106.969.338)	(4.106.969.338)				
Thù lao Hội đồng Quản trị, Ban kiểm soát	-	-	-	-	(95.000.000)	(95.000.000)				
Chỉ trả cổ tức	-	-	-	-	(22.450.694.400)	(22.450.694.400)				
Số dư cuối năm trước	280.657.650.000	3.605	65.623.931.879	(23.970.000)	81.943.981.471	428.201.596.955				
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021										
Số dư đầu năm nay	280.657.650.000	3.605	65.623.931.879	(23.970.000)	81.943.981.471	428.201.596.955				
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	40.044.808.538	40.044.808.538				
Trích quỹ đầu tư phát triển (i)	-	-	22.054.751.515	-	(22.054.751.515)	-				
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (i)	-	-	-	-	(7.351.583.838)	(7.351.583.838)				
Trích quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành (i)	-	-	-	-	(238.500.000)	(238.500.000)				
Chỉ trả cổ tức (i)	-	-	-	-	(28.063.368.000)	(28.063.368.000)				
Số dư cuối năm nay	280.657.650.000	3.605	87.678.683.394	(23.970.000)	64.280.586.656	432.592.953.655				

(i) Nghị quyết số 76/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 ngày 26 tháng 4 năm 2021 phê chuẩn kế hoạch phân phối lợi nhuận của năm 2020 của Công ty như sau:

- Chia cổ tức bằng tiền (10% vốn điều lệ): 28.063.368.000 VND
- Quỹ khen thưởng, phúc lợi (10% lợi nhuận sau thuế năm 2020): 7.351.583.838 VND
- Quỹ khen thưởng ban quản lý, điều hành: 238.500.000 VND
- Quỹ đầu tư phát triển (30% lợi nhuận sau thuế năm 2020): 22.054.751.515 VND

Đến ngày Báo cáo tài chính này, Công ty đã thực hiện chi trả toàn bộ số cổ tức theo Nghị quyết số 76/NQ-ĐHĐCĐ của Đại hội đồng cổ đông nói trên cho các cổ đông.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, vốn điều lệ của Công ty là 280.657.650.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2021, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ như sau:

	Vốn đã góp			
		Số cuối năm		Số đầu năm
	%	VND	%	VND
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	36,0%	101.041.150.000	36,0%	101.041.150.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	24,5%	68.861.500.000	24,5%	68.861.500.000
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	4,9%	13.854.300.000	4,9%	13.854.300.000
Các cổ đông khác	34,5%	96.876.730.000	34,5%	96.876.730.000
Cổ phiếu quỹ	0,0%	23.970.000	0,0%	23.970.000
	100%	280.657.650.000	100%	280.657.650.000

Cổ phiếu	Số cuối năm	Số đầu năm
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	28.065.765	28.065.765
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	28.065.765	28.065.765
+ Cổ phiếu phổ thông	28.065.765	28.065.765
- Số lượng cổ phiếu quỹ	2.397	2.397
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	28.063.368	28.063.368
+ Cổ phiếu phổ thông	28.063.368	28.063.368

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

25. BỘ PHẬN THEO LĨNH VỰC KINH DOANH VÀ BỘ PHẬN THEO KHU VỰC ĐỊA LÝ

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh

Để phục vụ cho mục đích quản lý, cơ cấu tổ chức của Công ty được tổ chức theo các đơn vị kinh doanh dựa trên các sản phẩm, dịch vụ như sau:

- Bộ phận sản xuất
- Bộ phận thương mại
- Bộ phận khác

Các thông tin về bộ phận kinh doanh của Công ty như sau:

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	373.631.793.844	1.096.296.680	971.395.208	375.699.485.732
Tài sản không phân bổ				859.672.000.380
Tổng Tài sản				1.235.371.486.112
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	185.534.325.478	21.020.330.486	-	186.554.655.964
Nợ phải trả không phân bổ				616.223.876.493
Tổng Nợ phải trả				802.778.532.457

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm nay:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	850.540.198.948	72.951.556.280	32.223.121.910	955.714.877.138
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	708.963.736.019	69.111.779.301	1.954.792.818	780.030.308.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				175.684.569.000
Doanh thu hoạt động tài chính				12.494.408.852
Chi phí tài chính				14.804.859.084
Chi phí bán hàng				45.589.692.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp				75.216.023.903
Lỗ khác				(167.081.500)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				52.401.320.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				12.356.512.319
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				40.044.808.538

Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Tài sản				
Tài sản bộ phận	320.051.589.637	474.081.348.848	1.071.867.367	795.204.805.852
Tài sản không phân bổ				610.138.413.262
Tổng Tài sản				1.405.343.219.114
Nợ phải trả				
Nợ phải trả bộ phận	70.059.279.583	164.346.965.388	-	234.406.244.971
Nợ phải trả không phân bổ				742.735.377.188
Tổng Nợ phải trả				977.141.622.159

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh năm trước:

	Sản xuất	Thương mại	Khác	Tổng
	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	839.189.828.338	487.050.090.870	23.033.369.536	1.349.273.288.744
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	657.496.988.265	464.992.325.987	9.957.214.130	1.132.446.528.382
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ				216.826.760.362
Chi phí hoạt động chung				125.289.379.404
Doanh thu hoạt động tài chính				6.949.359.862
Chi phí tài chính				7.607.330.171
Doanh thu khác				6.127.396.623
Chi phí khác				536.881.096
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế				96.469.926.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				22.954.087.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				73.515.838.382

Bộ phận theo khu vực địa lý

Báo cáo bộ phận chủ yếu của Công ty theo khu vực địa lý như sau:

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021:

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	186.299.652.822	769.415.224.316	955.714.877.138
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			780.030.308.138
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			175.684.569.000
Doanh thu hoạt động tài chính			12.494.408.852
Chi phí tài chính			14.804.859.084
Chi phí bán hàng			45.589.692.508
Chi phí quản lý doanh nghiệp			75.216.023.903
Lỗ khác			(167.081.500)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			52.401.320.857
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			12.356.512.319
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			40.044.808.538
2. Tài sản bộ phận			1.235.371.486.112
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			5.254.979.414

Báo cáo cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020:

	Xuất khẩu	Trong nước	Tổng
	VND	VND	VND
1. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh			
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	166.436.987.717	1.182.836.301.027	1.349.273.288.744
Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp			1.132.446.528.382
Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ			216.826.760.362
Doanh thu hoạt động tài chính			6.949.359.862
Chi phí tài chính			7.607.330.171
Chi phí bán hàng			33.923.610.566
Chi phí quản lý doanh nghiệp			91.365.768.838
Lợi nhuận khác			5.590.515.527
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế			96.469.926.176
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành			22.954.087.794
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp			73.515.838.382
2. Tài sản bộ phận			1.405.343.219.114
3. Tổng chi phí đã phát sinh để mua TSCĐ			1.719.851.335

26. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tài sản thuê ngoài

Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của hợp đồng thuê hoạt động tài sản không hủy ngang theo các thời hạn:		
Từ 1 năm trở xuống	18.523.849.586	18.482.848.828
Trên 1 năm đến 5 năm	74.095.398.344	73.931.395.312
Trên 5 năm	506.954.167.908	524.944.445.986
	599.573.415.838	617.358.690.126

Ngoại tệ các loại

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Ngoại tệ USD	426.723,75	1.179.129,25



27. DOANH THU BÁN HÀNG HÓA VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán thành phẩm	889.685.700.472	872.183.845.583
Doanh thu bán hàng hóa	72.951.556.280	487.050.090.870
Doanh thu cung cấp dịch vụ	30.754.293.723	23.033.369.536
Doanh thu bán vật tư	983.012.427	1.242.460.920
Doanh thu khác	485.815.760	410.906.032
Tổng cộng	994.860.378.662	1.383.920.672.941
Các khoản giảm trừ doanh thu		
a. Chiết khấu thương mại	39.111.448.138	34.166.217.485
b. Giảm giá hàng bán	-	481.166.712
c. Hàng bán trả lại	34.053.386	-
	39.145.501.524	34.647.384.197
Doanh thu thuần	955.714.877.138	1.349.273.288.744
Trong đó: Doanh thu với các bên liên quan (Chi tiết tại Thuyết minh số 35)	71.597.319.874	19.375.536.086

28. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn của thành phẩm đã bán	704.664.778.589	659.160.974.743
Giá vốn của hàng hóa đã bán	69.111.779.301	464.992.325.987
Giá vốn dịch vụ đã cung cấp	1.090.276.537	6.760.286.795
Giá vốn của vật tư đã bán	864.516.281	903.945.696
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	4.298.957.430	628.995.161
	780.030.308.138	1.132.446.528.382

29. CHI PHÍ SẢN XUẤT, KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí nguyên vật liệu	626.385.008.037	460.543.642.943
Chi phí nhân công	115.202.946.206	123.601.608.903
Chi phí khấu hao tài sản cố định	20.663.817.540	20.961.717.365
Chi phí dịch vụ mua ngoài	39.644.272.579	39.570.993.006
Chi phí khác	89.213.082.075	121.662.008.228
Trích lập dự phòng	4.003.976.304	5.143.898.140
	895.113.102.741	771.483.868.585

30. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	7.294.185.455	5.503.354.928
Lãi chênh lệch tỷ giá	5.200.223.397	1.446.004.934
	12.494.408.852	6.949.359.862

31. CHI PHÍ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	10.923.179.217	5.487.037.028
Chiết khấu thanh toán, lãi bán hàng trả chậm	2.722.628.990	2.498.862.000
Lỗ chênh lệch tỷ giá	1.155.459.250	123.753.674
Trích lập/(Hoàn nhập) dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	3.591.627	(502.322.531)
	14.804.859.084	7.607.330.171

32. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	28.009.310.447	26.750.316.145
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.431.387.274	1.568.732.638
Thuế, phí, lệ phí	26.758.299.044	21.549.380.665
Chi phí dự phòng	(318.113.798)	4.018.038.613
Chi phí dịch vụ mua ngoài	15.349.195.199	23.569.852.433
Chi phí khác	3.985.945.737	13.909.448.344
	75.216.023.903	91.365.768.838
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	6.229.538.261	4.805.964.633
Chi phí khấu hao tài sản cố định	293.975.051	146.428.285
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.875.136.534	20.281.344.490
Chi phí quảng cáo	1.123.968.931	1.409.236.731
Chi phí bảo hành sản phẩm	4.523.293.790	4.567.420.249
Các khoản khác	2.543.779.941	2.713.216.178
	45.589.692.508	33.923.610.566

33. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	12.356.512.319	22.117.569.794
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của các năm trước vào chi phí thuế thu nhập hiện hành năm nay	-	836.518.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.356.512.319	22.954.087.794

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế	52.401.320.857	96.469.926.176
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	209.115.100	-
- Chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của các khoản tiền, nợ phải thu	209.115.100	-
Cộng các khoản chi phí không được trừ:	9.590.355.836	13.517.922.794
- Chênh lệch tỷ giá đánh giá lại cuối kỳ của các khoản tiền, nợ phải thu	-	285.027.236
- Thủ lao HDQT, BKS không trực tiếp điều hành	136.000.000	176.000.000
- Chi phí không được khấu trừ	9.454.355.836	13.056.895.558
Thu nhập chịu thuế	61.782.561.593	109.987.848.970
Thu nhập từ hoàn nhập quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ	-	6.000.000.000
Thuế suất thông thường	20%	20%
Thuế suất cho thu nhập từ hoàn nhập Quỹ Phát triển Khoa học Công nghệ	0%	22%
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp năm trước	-	836.518.000
Tổng chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	12.356.512.319	22.954.087.794

34. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU

	Năm nay	Năm trước (Trình bày lại)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	40.044.808.538	73.515.838.382
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(7.351.583.838)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(238.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	40.044.808.538	65.925.754.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	1.427	2.349

Lãi cơ bản trên cổ phiếu cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2020 được trình bày lại do ảnh hưởng của việc phân phối lợi nhuận sau thuế năm 2020 theo Nghị quyết số 76/NQ-DHĐCĐ ngày 26 tháng 4 năm 2021 của Đại hội đồng cổ đông, cụ thể như sau:

	Năm trước	
	Số báo cáo	Số trình bày lại
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (VND)	73.515.838.382	73.515.838.382
Số trích quỹ khen thưởng phúc lợi (VND)	-	(7.351.583.838)
Số trích quỹ thưởng ban điều hành (VND)	-	(238.500.000)
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông (VND)	73.515.838.382	65.925.754.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm (cổ phiếu)	28.063.368	28.063.368
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (VND/cổ phiếu)	2.620	2.349

Tại ngày lập báo cáo tài chính này, Công ty chưa ước tính được một cách đáng tin cậy số lợi nhuận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 có thể được phân bổ vào quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành do Đại hội đồng cổ đông chưa quyết định tỷ lệ trích vào các quỹ này cho kỳ tiếp theo. Nếu Công ty trích quỹ khen thưởng, phúc lợi và quỹ thưởng ban điều hành cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021, lợi nhuận thuần thuộc về cổ đông phổ thông sẽ giảm đi.

35. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan:

Bên liên quan

Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Ông Nguyễn Tiến Ngọc
Ông Nguyễn Quang Hào
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoàng Sơn
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Trì
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam

Mối quan hệ

Cổ đông lớn
Cổ đông lớn
Thành viên Ban Tổng Giám đốc
Cùng Chủ tịch Hội đồng quản trị
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam

Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Cùng Tập đoàn Hóa chất Việt Nam
Liên quan đến thành viên trong gia đình của Thành viên Hội đồng Quản trị
Công ty liên kết
Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoàng Sơn
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoàng Sơn

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu sau với các bên liên quan:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Bán hàng và cung cấp dịch vụ	71.597.319.874	19.375.536.086
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	70.429.055.123	17.769.525.646
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	621.422.000	412.894.000
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	237.120.024	170.979.216
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	177.450.000	524.911.224
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	132.272.727	-
Công ty Cổ phần Phân lân Ninh Bình	-	360.000.000
Công ty Cổ phần SUPE Phốt phát và Hóa chất Lâm Thao	-	137.226.000
Mua hàng hóa và dịch vụ	-	106.695.027
Công ty Cổ phần Cao su Đà Nẵng	-	40.500.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	66.195.027
Cho vay	1.700.000.000	78.730.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	1.700.000.000	78.730.000.000
Thu hồi tiền cho vay	78.730.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	78.730.000.000	-
Chia cổ tức trong năm	18.375.695.000	9.879.810.400
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	10.104.115.000	8.083.292.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	6.886.150.000	-
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	1.385.430.000	1.796.518.400
Cổ tức đã trả trong năm	18.375.695.000	9.879.810.400
Tập đoàn Hóa chất Việt Nam	10.104.115.000	8.083.292.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	6.886.150.000	-
Ông Nguyễn Tiến Ngọc	1.385.430.000	1.796.518.400
Nhận tiền vay trong năm	283.285.401.164	100.722.890.604
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	283.285.401.164	100.722.890.604
Trả tiền vay trong năm	218.751.897.744	109.005.364.360
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	218.751.897.744	109.005.364.360
Góp vốn trong năm	375.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Sao Vàng - Hoành Sơn	375.000.000.000	-

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày 31 tháng 12 năm 2021 như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng ngắn hạn	541.763.830	26.209.349.638
Công ty Cổ phần DAP VINACHEM	340.763.830	193.087.125
Công ty Cổ phần Thiết kế Công nghệ Hóa chất	145.500.000	-
Công ty Cổ phần Hóa chất Việt Tri	50.600.000	-
Công ty TNHH MTV Apatit Việt Nam	4.900.000	582.302.346
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	25.122.340.375
Công ty Cổ phần DAP số 2 - VINACHEM	-	311.619.792
Phải thu về cho vay	-	78.730.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	78.730.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	-	2.800.433.042
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	-	2.800.433.042
Người mua trả tiền trước	86.112.786.092	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	86.112.786.092	-
Vay ngắn hạn	111.251.558.961	45.802.845.664
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	110.756.462.626	44.741.502.314
Ông Nguyễn Quang Hào	495.096.335	1.061.343.350
Phải trả dài hạn khác	143.500.000.000	143.500.000.000
Công ty TNHH Sao Vàng - Hoành Sơn	143.500.000.000	143.500.000.000
Vay dài hạn	130.864.183.247	132.345.640.139
Công ty Cổ phần Tập đoàn Hoành Sơn	130.000.000.000	130.000.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam	864.183.247	2.345.640.139

Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và thù lao của Hội đồng Quản trị được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Hội đồng Quản trị	2.039.387.169	1.679.672.071
Phạm Hoành Sơn	640.850.000	508.700.000
Nguyễn Việt Hùng	696.419.200	561.016.000
Nguyễn Thanh Tùng	601.117.969	472.956.071
Nguyễn Văn Thành	21.000.000	48.000.000
Nguyễn Văn Hùng	16.000.000	48.000.000
Nguyễn Đình Sơn	32.000.000	-
Lương Xuân Hoàng	32.000.000	-
Lâm Thái Dương	-	41.000.000
Ban Tổng Giám đốc	561.092.692	437.232.000
Nguyễn Quang Hào	561.092.692	437.232.000
Tổng cộng	2.600.479.861	2.116.904.071

Lê Lan Phương
Người lập biểu

Nguyễn Thanh Tùng
Kế toán trưởng/
Phó Tổng Giám đốc

Nguyễn Việt Hùng
Tổng Giám đốc

Ngày 28 tháng 02 năm 2022